

VĂN ĐỀ

nguyệt san chính trị kinh-tế xã hội văn học nghệ thuật

SỐ 1 THÁNG 4-1967

Giáo đầu	1	VĂN ĐỀ
Hai vấn đề kinh tế đầu năm	3	Q.T.
Ý kiến về việc thiết lập một cơ quan nghiên cứu văn hóa	13	BÙI XUÂN BẢO
Đường về tâm thức	22	NGHIÊM XUÂN HỒNG
Một vấn đề trọng yếu: vấn đề văn hóa (phỏng vấn)	35	T.T. THÍCH MINH CHÂU
Dấu chân	49	NGUYỄN VĂN TRUNG
Khôi phục văn chương giác ngộ phê bình	35	NHẬT TIẾN
Trang của họa sĩ Tuyết	64	THẠCH CHƯƠNG
Tiếng nói một người	66	NGUYỄN SỸ TẾ
Thơ Trần Lê Nguyễn	73	TUÝT
Ngộ nhận (kịch)	94	THANH TÂM TUYỀN
Ngoài lề	103	TRẦN LÊ NGUYỄN
		VŨ KHẮC KHOAN
		THAI TUẤN-DU THANH HÀO

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: VŨ CÔNG TRỰC

CHỦ BIÊN: VŨ KHẮC KHOAN

THƯ KÝ TÒA SOẠN: THANH TÂM TUYỀN

giáo đầu

Việt Nam hiện nay là một vấn đề, một vấn đề của cả thế giới. Nhưng từ quan điểm của những kẻ ngoại cuộc, đó chỉ là vấn đề chính trị, chính trị có đồ mầu hay không, đồ mầu còn tùy thuộc vào nhiều điều kiện mà những kẻ trong cuộc, người V.N, không phải một mình quyết định. Hiên nhiên là một vấn đề thế giới, Việt Nam diễn tấn thảm kịch của thế giới ở một hồi bi đát nhất.

Nhận định như thế không có nghĩa là Việt Nam chỉ là một sân khấu cho thuê. Trước khi trở thành của thế giới, tấn kịch là của chúng ta và sau này sẽ mãi mãi vẫn là của chúng ta, người V.N. Vì chính chúng ta, người V.N không thể phủ nhận những vấn đề đặt ra cho xã hội, lịch sử dân tộc chúng ta những vấn đề ở mọi lãnh vực; chúng ta đã tự nhận định tìm tòi đường lối giải quyết và tự nguyện hy sinh cho sự lựa chọn của mình. Rồi những xô đẩy lịch sử của tiến hóa thế giới đã đưa chúng ta đến bước ngày nay. Bước hiềm nghèo nhưng cũng là bước quyết định. Bước quyết định này, đòi hỏi một thái độ can trường: nhìn soát lại những vấn đề của chính chúng ta, những vấn đề đích thực trong mọi lãnh vực, [bằng nỗ] lực soi

sáng, khám phá những giải pháp cụ thể, với lòng chân thành và ý thức trách nhiệm của mỗi người.

Trong một hoàn cảnh V.N đặc biệt, từ nhiều năm nay cái hoàn cảnh mà ánh sáng của trí tuệ bị mây mù của những cuồng tín, đam mê cố chấp, vây hãm, cô lập, hơi hóp, công cuộc của chúng tôi muốn theo đuổi quả là khó khăn gay go không kể những khó khăn khách quan, tự thân mình vẫn có thể bị trói buộc bởi đam mê, lệch lạc. Đã biết cách nhìn, cách đặt vấn đề cũng đặt thành vấn đề cái cặp mắt đang nhìn, chúng tôi vẫn nghĩ rằng ít nhất cũng là một ngòi sáng thấp lèn, kêu mời sự bỏ tức soi chiếu khắp mặt. Vì thế các bạn đọc có thể sẽ gặp những ý kiến đối chọi trong nội dung tờ nguyệt san này và khi đăng tải các bài của những người viết, chúng tôi chỉ liên đới trách nhiệm về thái độ chính trực cần thiết mà thôi.

Nếu có nhiều người chủ trương im lặng trong lúc này, coi sự nín thinh như một thái độ, chúng tôi không bác là không có lý. Nhưng sự nín thinh là một thái độ có qui nhiều nghĩa nên mập mờ. Sự nín lặng sẽ có nghĩa như định khi nó là khoảng ngắt của tiếng nói. Với tôn chỉ cố gắng nhìn bày tỏ các vấn đề, trong hoàn cảnh thực tế hiện nay, chúng tôi tất sẽ không thể tránh có những chỗ nín lặng bắt buộc các bạn đọc sẽ nghe rõ thấy. Tiêu cực thì chúng tôi có thể nói sự lên tiếng của chúng tôi nhằm làm nổi bật những chỗ nín lặng của chúng ta.

Chúng tôi lo ngại sự câm bất hoàn toàn của một lớp người trong xã hội chúng ta mà vũ khí duy nhất là tư tưởng và ngôn ngữ. Nên hôm nay mới có sự ra mắt của

VẤN ĐỀ

HAI VẤN ĐỀ KINH TẾ ĐẦU NĂM

Q.T.

Trong những ngày đầu xuân Đinh Mùi, có hai sự kiện kinh tế đã được dư luận đặc biệt chú ý: việc Hoa Kỳ gửi sang Việt Nam một đoàn chuyên viên để nghiên cứu kế hoạch phát triển trường kỳ và việc tăng giá lúa gạo trên thị trường quốc nội.

A. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRƯỜNG KỲ

1— Ngày 13-2-1967, ông David E. Lilienthal đã tới Saigon cùng hai chuyên viên phụ tá là các Bác sĩ F. Moore và T.A. Mead, để khởi sự một công cuộc nghiên cứu kế hoạch phát triển trường kỳ cho mảnh đất đang quằn quại dưới khó khăn này.

Ông Lilienthal là một nhân vật rất nổi danh ở Hoa Kỳ: Ông đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như Giám đốc cơ quan Tennessee Valley Authority (Cơ quan điều hành chương trình phát triển chung cho 7 tiểu bang ở vùng thung lũng sông Tennessee) và Chủ tịch Ủy Ban Nguyên Tử Năng (A.E.C), Ông cũng đã viết nhiều cuốn sách về các vấn đề kinh tế như :

The Multinational Corporation T.V.A., Democracy on
march v.v... Hiện thời, ông là chủ tịch một công ty chuyên
nghiên cứu các dự án phát triển. Với tư cách này ông
giúp một số quốc gia Nam Mỹ, trong công cuộc hoạch-đ
kinh tế.

Theo lời ông Lilienthal tuyên bố trong cuộc hội họp
chỉ ngày 21-2-1967, thì ông đã ngần ngại, không muốn nh
nhờ, khi Chính phủ Hoa kỳ trao cho công việc nghiên c
một kế hoạch phát triển kinh tế cho thời hậu chiến ở V
Nam. Ông ngần ngại vì chiến tranh đang tiếp diễn, chưa b
lúc nào chấm dứt. Nhưng sau khi tới Việt Nam, và quan
nhiều tình, ông đã thay đổi ý kiến: ông cho rằng việc nghi
cứu này, *đáng lẽ, phải khởi sự sớm hơn n*
mới phải.

Công ty của ông Lilienthal sẽ tiếp xúc với các chuyên v
Việt Nam để cố gắng hoàn thành một chương trình phát t
đại quy mô, có tính cách dài hạn (từ 10 năm trở lên).
nhiên, một công cuộc nghiên cứu như vậy không thể thực h
trong vòng năm, bảy tháng ...mà sẽ cần tới vài ba năm
chóng nhất.

Trong mười ngày lưu trú ở Việt Nam. Ông Lilient
đã có dịp tiếp xúc với nhiều nhân vật trong chính qu
trong giới kinh doanh và giới nghiệp đoàn. Đặc biệt hơn h
ông đã có dịp đàm đạo thân mật với gần 40 nam nữ sinh v
ban Cao học kinh tế của trường Luật khoa đại học Saig
nhân một buổi dạ tiệc do ông Culbertson, Phó Giám đ
U.S.A.I.D tổ chức tại tư thất.

II.—Việc Chính phủ Hoa kỳ quyết thiết lập một
hoạch phát triển trường kỳ cho Việt Nam đã nêu lên nhiều t
mắc trong dư luận.

a) Trước hết, có người đã tự hỏi rằng tại sao Ch
phủ Hoa kỳ lại quyết định như vậy? Việc thiết lập kế ho
trường kỳ, là một việc thuộc quyền Chính phủ Việt Nam.

Vấn biết hiện thời Hoa Kỳ tích cực giúp đỡ chúng ta để
bảo vệ tự do, chống lại làn sóng xâm lăng của Cộng sản...
nhưng một khi chiến tranh kết liễu, chủ quyền trên lãnh thổ
Việt Nam vẫn phải thuộc về dân tộc Việt Nam. Dân tộc ta
có muốn theo đường lối kinh tế hoạch định hay không?
Hoạch định theo chiều hướng nào? Bằng những phương
tiện nào? Đó là những quyết định của Việt Nam: Hoa Kỳ
có thể *giúp* chúng ta thực hiện một kế hoạch *do chúng ta*
tự thảo ra; Hoa kỳ *không thể thay chúng ta* để thiết lập
một kế hoạch, dù kế hoạch đó hay đến đâu cũng vậy!

Thực ra, việc ông Lilienthal nghiên cứu kế hoạch phát
triển cho Việt Nam, không phải là do quyết định đơn
phương của Hoa kỳ, mà chỉ là đã thực thi một quyết nghị
của Hội nghị Manila. Việc đề cử ông Lilienthal đã được
loan báo trong một bản thông cáo của tòa Bạch Ốc. Cùng
một lúc với bản thông cáo này, Chính phủ Việt Nam đã cho
công bố một thông cáo riêng về việc chỉ định một đoàn
chuyên viên người Việt để cộng tác với ông Lilienthal trong
công cuộc soạn thảo kế hoạch hậu chiến.

Như vậy, dự án kế hoạch tương lai sẽ không phải là
công cuộc riêng của Hoa Kỳ mà là *công cuộc chung* của hai
nhóm chuyên viên Việt Mỹ. *Nó phải đáp ứng nhu cầu của*
dân tộc Việt Nam cũng như phải phù hợp với đường lối
phát triển chung ở nước nhà.

Chúng ta cần nhớ rằng hai nhóm chuyên viên Việt Mỹ
có thể thỏa thuận đưa ra một dự án kế hoạch; nhưng dự án này
chỉ có giá trị khi nào được cơ quan hữu quyền chấp nhận
và ban hành. Theo sắc lệnh ngày 17-2-1967 vừa qua, cơ
quan đó chính là Hội đồng Tối cao Kế hoạch đặt dưới sự chủ
tọa đích thân của Thủ Tướng Chính phủ. Toàn thể nhân viên
Hội đồng đều là Tổng Ủy viên hay Ủy viên. Thư ký Hội
Đồng là Tổng Giám Đốc Kế hoạch. Như vậy theo nguyên tắc,
dự án kế hoạch do hai đoàn chuyên viên Việt Mỹ soạn thảo,
tự nó, sẽ không có hiệu lực chi hết. Và chẳng, từ nay đến

lúc kế hoạch soạn thảo xong, — nghĩa là sớm nhất cũng ba năm nữa—, nước nhà chắc chắn sẽ có đủ các định chế chủ như : Nghị viện dân cử, Chính phủ hợp hiến v.v. Những người có quyền quyết định tối hậu về dự án kế hoạch đó, sẽ thực sự đại diện cho nhân dân.

Tất nhiên, khi Chính phủ Hoa kỳ công khai tham gia thiết lập kế hoạch phát triển ở Việt Nam, hành động quan trọng đó phải có nhiều lý do chính đáng.

Nhiều người cho rằng Tổng thống Johnson muốn chứng tỏ cùng dư luận Hoa kỳ và thế giới rằng ông tha thiết vì tiền đồ của dân tộc Việt Nam : nếu chiến cuộc hiện thời gây nên những sự chết chóc, tàn phá... thì Hoa kỳ sẽ giúp đỡ dân tộc Việt Nam xây dựng lại xứ sở một khi chiến tranh chấm dứt.

Chấp nhận nghiên cứu kế hoạch hậu chiến ở Việt Nam đối với Hoa kỳ, chỉ có nghĩa là một lời *cam kết long trọng* về sự viện trợ tương lai. Những ai, đã có dịp làm quen với thủ tục viện trợ của Hoa kỳ chắc đều nhận thấy tầm quan trọng của sự cam kết này. Thường thường, ngân khoản viện trợ được ấn định hàng năm bởi Quốc Hội Hoa kỳ chính vì thế mà Chính phủ Hoa kỳ rất ít khi cam kết giúp đỡ một nước thì hành kế hoạch dài hạn. Ngày nay Tổng thống Hoa kỳ không ngần ngại hứa giúp đỡ chúng ta trong hàng chục năm sắp tới ! Chúng ta cần ghi nhận lời hứa này vì đó là một yếu tố rất quý báu trong công cuộc hàn gắn những vết đau thương đang lan tràn trên đất nước bất hạnh của chúng ta ! Vẫn biết, không thể đặt vấn đề bồi thường chiến tranh giữa các bạn Đồng Minh... nhưng lòng nhân đạo, và tình liên đới chiến hữu bắt buộc kẻ chiến thắng lành mạnh phải cứu mang người bạn đồng đội chẳng may bị tàn phế !

b) Nhiều người lại còn thắc mắc về hai chữ *hậu chiến* đã được gán cho dự án kế hoạch đang được hai nhóm chuyên viên Việt Mỹ nghiên cứu. Dùng hai chữ này, phải chăng Chính phủ Hoa kỳ đã biết trước là chiến tranh sắp kết liễu ? Trong lúc

khắp thế giới đang lan tràn những tin đồn về các cuộc tiếp xúc chuẩn bị thương thuyết giữa Hoa kỳ và Cộng Sản, việc khởi sự nghiên cứu kế hoạch hậu chiến không khỏi làm cho nhiều người lo ngại. Biết đâu một lần nữa, tấn tuồng Genève lại không tái diễn ? Trong lúc quân đội ta vẫn tiếp tục chiến đấu, vẫn tự kích thích với viễn ảnh một chiến thắng toàn diện... thì tại sao bạn Đồng Minh của ta có thể tin chắc là chiến cuộc sắp chấm dứt ? Phải chăng là sẽ có những thỏa ước ngầm ngầm, ký kết ngoài ý muốn của chúng ta ?

Dựa vào những lời giải thích của ông Lilienthal trong mấy ngày lưu trú ở Sài Gòn, chúng tôi có cảm tưởng rằng giả thuyết đó không đúng. Có lẽ đây chỉ là một hành động nhằm mục đích chứng minh cùng dư luận quốc tế ý muốn hòa bình của Chính phủ Johnson mà thôi... Dù sao, đối với một nước đang tham chiến, việc nghiên cứu kế hoạch phát triển hậu chiến là một việc rất chính đáng. Chúng ta không thể đợi « nước đến chân mới nhảy » ! Trái lại, lúc nào ta cũng phải sẵn sàng đón nhận hòa bình, sẵn sàng biến cái nền kinh tế chiến tranh thành một nền kinh tế hòa bình. Ai cũng biết, một năm trước khi Thế chiến thứ II kết liễu, các nước Đồng Minh đã cho triệu tập Hội nghị Bretton Woods để nghiên cứu vấn đề hợp tác tài chánh trong tương lai...

Riêng đối với Việt Nam, việc nghiên cứu kế hoạch phát triển trường kỳ lại có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Dù cuộc chiến tranh hiện thời có kéo dài hàng chục năm chẳng nữa, ta vẫn cần phải ấn định rõ ràng những mục tiêu kinh tế xa xôi của dân tộc. Chúng ta muốn xây dựng một nền kinh tế như thế nào ? Nền kinh tế đó sẽ dựa vào Canh nông hay Kỹ nghệ, hay một thể phát triển quân bình giữa các ngành hoạt động ? Chúng ta có chú trọng đến sự bình đẳng kinh tế không hay trái lại, sẽ dành ưu tiên cho nhu cầu phát triển ? Nền kinh tế tương lai sẽ là một nền kinh tế tự do, hay một nền kinh tế chỉ huy ? Sẽ là một nền kinh tế tư bản hay một nền kinh tế xã hội ? Đây là những quyết định vô

cùng quan trọng, bởi vì người chiến sĩ, ở bên này hay bên kia chiến tuyến, sau những lúc say sưa khói lửa, không khỏi tự hỏi: "mình chém giết để làm gì? tàn phá để làm gì? Đâu duy trì một xã hội thối nát hay để thực hiện một xã hội độc tài, công an?". Hình ảnh một tương lai tươi sáng, phồn thịnh và an lạc... tất nhiên là một kích thích mạnh mẽ, hay ít nhất cũng là một an ủi đối với những kẻ đang hy sinh!

Sau hết, ta cần nhận định rằng nếu có một chương trình rõ ràng về sự phát triển kinh tế tương lai, ta có thể xấp xỉ dự định các khoản chi phí chiến tranh, theo chiều hướng xây dựng. Thí dụ: một trại lính có thể biến thành một trường học hay một nhà thương, một quân cảng có thể biến thành một thương cảng, những xưởng sửa chữa tàu chiến, phi cơ, chiến xa v.v... có thể biến thành những xưởng đóng tàu thủy chế tạo phi cơ và xe hơi trong thời bình... Điều quan hệ, là phải dành «một chỗ đứng» cho những cơ sở đó trong kế hoạch hậu chiến, để khi chiến tranh kết liễu, khỏi lâm vào cảnh nhà máy bị đóng cửa, thợ thuyền bị xa thải, quân nhân giải ngũ bị thất nghiệp v.v...

Chính vì vậy mà chúng tôi rất đồng ý với ông Lilienthal khi ông tuyên bố rằng, công cuộc nghiên cứu kế hoạch hậu chiến ở Việt Nam, đáng lẽ phải khởi sự sớm hơn nữa.

c) Một điểm khác cũng khiến nhiều người thắc mắc đó là tính cách chuyên môn thuần túy mà hai chính phủ Việt và Mỹ muốn dành cho nhóm nghiên cứu kế hoạch hậu chiến. Về phía Hoa kỳ, ông Lilienthal đã lấy tư cách Chủ tịch một công ty tư đề ký hợp đồng với chính phủ Johnson. Về phía Việt Nam, tất nhiên các chuyên viên được đề cử cộng tác với Công ty Lilienthal không thể lấy tư cách tư nhân, mà cũng không thể chính thức đại diện cho Chính quyền Việt Nam. Tư cách mập mờ này có thể dồn các chuyên viên Việt Nam vào một tình trạng rất khó xử... Không có quyền hành, không có chỉ

thị rõ ràng, không có phương tiện thích nghi... họ chỉ còn cách tùy theo năng lực và lương tâm, để cố gắng bênh vực quyền lợi của xứ sở.

Đây quả là một điều rất đáng tiếc. Việc thiết lập kế hoạch hậu chiến không thể coi là một việc thuần túy chuyên môn! Việc đó rõ rệt có tính cách chính trị. Dù muốn dù không, kế hoạch tương lai vẫn phải dựa vào một số giả thuyết.

Thí dụ:

- A *Giả thuyết 1: Chiến tranh kéo dài*
Giả thuyết 2: Chiến tranh sẽ kết thúc trong vòng 1, 2 năm
- B *Giả thuyết 1: Việt Nam sẽ thống nhất*
Giả thuyết 2: Tình trạng chia đôi kéo dài
- C *Giả thuyết 1: Nam Bắc vẫn chia hai nhưng có quan hệ kinh tế*

Giả thuyết 2: Không có quan hệ kinh tế

Ngoài những quyết định căn bản vừa rồi, lại còn rất nhiều quyết định khác, không quan trọng bằng, nhưng chẳng ít thì nhiều đều có tính cách chính trị. Thí dụ: có nên hạn chế quyền tư hữu không? Có nên thiết lập chế độ an ninh xã hội không? Có nên mở rộng khu vực quốc doanh không? Có nên đặt quyền lợi của nông dân lên trên quyền lợi của nhân dân thành thị không? v.v...

Hai chính phủ Việt Mỹ quyết định dành cho công cuộc nghiên cứu kế hoạch trường kỳ, tính cách «*phi chính quyền*» phải chăng là vì cả hai bên đều muốn dành quyền quyết định cho một chánh phủ hợp hiến?

Nếu quả thực như vậy thì chúng tôi mong rằng thời kỳ chờ đợi này sớm chấm dứt. Ai cũng thừa hiểu, một khi ta không có một quan niệm rõ ràng về tương lai của xứ sở, thì bạn đồng minh hùng mạnh của ta đành phải «quyết định hộ ta»... Đây chắc chắn không phải là một điều mà dân tộc Việt Nam mong muốn!

d) Sau hết, ai cũng biết rằng kế hoạch phát triển trường

kỳ sẽ thành công hay thất bại là tùy ở những người, sau này lãnh nhiệm vụ thực thi kế hoạch. Những người đó, có lẽ, hiện thời, chỉ là những sinh viên đang theo học ở các trường đại học. Rất có thể, đó là những trẻ em đang theo các lớp tiểu học... Chính vì vậy mà cần phải đặt ngay vấn đề đào tạo cán bộ kế hoạch.

Chúng tôi thành thực vui mừng khi thấy có tới gần 40 sinh viên cao học đều đã đậu cử nhân luật khoa, đệ đơn xin tham dự công cuộc nghiên cứu, mặc dầu không hề nhận được một hứa hẹn cụ thể nào về phương diện thù lao hay địa vị.

Nếu đây chỉ là một sự kiện riêng biệt, thì sự kiện đó vẫn đáng coi là một triệu chứng tốt đẹp. Nó chứng tỏ sự tha thiết của thanh niên trí thức đối với công cuộc xây dựng tương lai xứ sở.

Cơ quan Viện trợ Kinh tế Hoa Kỳ đã nhận rõ tầm quan trọng của sự kiện này: Chúng tôi tin rằng chính phủ V.N. cũng sẽ không bỏ lỡ cơ hội để nâng đỡ những phần tử đầy thiện chí ấy.

B. VẤN ĐỀ TĂNG GIÁ LÚA GẠO

Kinh nghiệm miền Nam Việt Nam cho ta biết rằng, hàng năm, giá lúa gạo thường hạ bớt vào các tháng giêng và tháng hai dương lịch, nghĩa là trong những tuần lễ trước và sau Tết Nguyên Đán.

Sở dĩ có sự hạ giá này, chính vì lúc đó, nông dân vừa gặt hái xong, lúa đang được phơi khô... Nhiều người phải bán bớt lúa để lấy tiền sắm Tết. Chính đó là lúc các nhà máy xay gạo mua lúa để tích trữ.

Đặc biệt năm nay, trong những tuần trước Tết giá gạo đã tăng vọt. Sau Tết, giá vẫn tiếp tục tăng thêm. Đã có những người phải trả tới hơn 3.000đ một tạ gạo tốt.

Sự tăng giá gạo không phải là một sự kiện đặc biệt ở Saigon nơi có đông người tiêu thụ. Ngay ở những nơi, thường được coi là vựa lúa của Việt Nam, như Sóc Trăng, An Giang, Cần Thơ v.v... giá lúa cũng đã tăng rất mau. Ở Sóc Trăng,

chẳng hạn cách đây 5 tháng, giá lúa khoảng 120 đồng một gạ. Đến giữa tháng giêng âm lịch vừa qua, giá đó lên tới 300 đồng một gạ.

Nhiều nhà máy xay gạo đã không thể mua đủ lúa để tích trữ cho những tháng tới vì dân quê, chưa muốn bán: họ sợ giá lúa còn lên cao hơn nữa!

Tại sao có tình trạng đặc biệt này?

Theo các giới am hiểu thì năm nay không hề mất mùa. Giá lúa tăng không phải vì lúa khan hiếm, nhất là lúc nông dân vừa gặt hái xong.

Người ta đã viện lý do năm ngoái mùa mưa kéo dài quá lâu: cho tới đầu tháng Giêng dương lịch vẫn còn những trận mưa lai rai, khiến cho dân quê không thể gặt hái sớm nữa, như mọi năm. Thực ra, lý do ấy không đủ để giải thích nạn tăng giá lúa vì nạn này vẫn tiếp tục mặc dầu trời đã nắng gắt suốt 2 tháng nay.

Cũng có người viện lẽ nhân công lên cao quá đáng. Một công gặt cách đây một năm, chỉ tốn 70đ. Trong vụ mùa vừa qua nhiều điền chủ đã phải trả tới 170đ. Đây có thể là một yếu tố thúc đẩy các điền chủ tăng giá lúa nhưng ta thừa hiểu trong nông nghiệp, ít khi nhà sản xuất ý thức rõ ràng sự liên lạc giữa nhân công và giá bán. Và chẳng, đa số các điền chủ chỉ dùng người nhà, ít khi phải thuê nhân công bên ngoài.

Ta cũng không đổ lỗi hoàn toàn cho Việt Cộng là đã ngăn trở dân quê bán lúa. Hậu quả của những vụ hành quân đại quy mô trong vùng đồng bằng Cửu Long là làm giảm bớt áp lực của Việt Cộng. Và chẳng giá lúa đã tăng ngay ở những vùng an ninh nhất.

Theo thiên ý của chúng tôi, giá lúa tăng mau chóng như vậy, chính vì có những người đã không ngần ngại bỏ thật nhiều tiền để đầu cơ về lúa gạo. Họ tin rằng giá lúa hiện thời ở các vùng quê tương đối vẫn còn hạ và đủ bảo đảm cho họ một số lời quan trọng.

Ta đừng quên rằng, hiện thời, vẫn còn những người có rất nhiều tiền mặt : đó là hậu quả tất nhiên của tình trạng lạm phát. Tiền đó, trước kia, họ dùng để nhập cảng hay để xây cất nhà cửa vì hai ngành này mang lại rất nhiều lợi. Từ cuối năm ngoái, hai ngành nhập cảng và xây cất đã lâm vào tình trạng khủng hoảng... Kẻ sản tiền mặt phải tìm một lối thoát khác! Buồn vàng hay ngoại tệ đều không có lợi nữa vì giá các thứ này phần nào, đã ổn định. Đầu tư vào công nghệ cũng không lợi nữa vì giá các máy móc và nguyên liệu đã lên quá cao sau cuộc phá giá đồng bạc ngày 18-6-66 : Nhiều thứ nội hóa hiện thời không thể cạnh tranh nổi hàng nhập cảng.

Rút cục, chỉ còn một khu vực là đầu cơ lúa gạo. Giá lúa gạo từ trước đến nay vẫn được chính quyền kìm hãm bằng hai cách : Một đằng, ấn định giá lúa chính thức là 150đ một gia. Đằng khác, nhập cảng gạo để bán rẻ cho nhân dân thành thị. Theo sự thỏa thuận giữa hai chính phủ Việt Mỹ, hồi suất áp dụng cho các vụ nhập cảng gạo là 80đ chứ không phải 118đ một Mỹ kim.

Trong những ngày gần Tết, có tin đồn là Chính phủ HK yêu cầu tăng hồi suất nhập cảng gạo từ 80đ lên 118đ. Nếu yêu sách này được chấp thuận, giá gạo nhập cảng tất nhiên có cơ tăng thêm, lời cuốn theo giá gạo trong nước. Đồng thời, ở nhiều tỉnh các nhà đương cục đã chính thức đề nghị Chính phủ xét lại giá lúa.

Trước tình trạng này, tất nhiên những kẻ sản tiền mặt đã vội vã tung tiền mua lúa gạo để tích trữ, khiến cho giá lúa gạo bỗng dưng tăng vọt.

Nếu giả thuyết này đúng, chúng tôi mong rằng nhà chức trách nên kiểm soát thị trường gạo một cách chu đáo hơn. Vẫn biết việc tăng giá lúa có lợi cho dân quê : nhưng đồng thời, dân "ăn dong" ở thành thị sẽ vô cùng khổ sở. Ta không thể lý luận đơn giản như một vài người ngoại quốc, cho rằng : "dù dân thành thị bất mãn, họ vẫn theo chánh quyền quốc gia trái lại, nếu dân quê bất mãn, họ lập tức theo Việt Cộng". Hiện thời, Việt Cộng có thể dùng mọi thủ đoạn để phá rối hàng ngũ của ta. Chúng tôi hy vọng rằng, nếu vì lý do chính trị, cần để cho giá lúa tăng thêm ở thôn quê, thì ít nhất, đối với gạo nhập cảng, chính quyền nên giữ nguyên giá cũ. Nếu chính sách giữ vững giá gạo này có thiệt thòi cho ngân sách chẳng nữa, thiết tưởng, ta cũng nên cố gắng chịu đựng, để giữ phần thắng lợi, trong cuộc tranh thủ nhân tâm ở thành thị.

Q.T.

GÓP Ý VỀ VIỆC THIẾT LẬP MỘT CƠ QUAN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA VIỆT NAM

BÙI XUÂN BẢO

Ý-kiến thiết-lập một cơ quan nghiên-cứu văn-hóa ở V.N. không có gì mới lạ. Vấn-đề đó đã được nêu ra nhiều lần, ngay từ khi chủ-quyền quốc-gia mới được thu - hồi, và trong mấy năm nay đã được bàn đến với nhiều hăng-hái. Cách đây tám tháng, Thiếu-tướng Chủ-tịch Ủy-Ban hành-pháp trung ương đã ký một sắc-lệnh thiết-lập một Viện Văn hóa. Gần đây hơn, phong trào văn-hóa dân tộc với một khía cạnh sôi nổi là việc dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở Đại học, thôi thúc chúng ta phải lo tổ chức cấp bách một cơ quan nghiên cứu văn hóa xứng đáng với danh nghĩa của nó. Sau đây là một vài nhận xét trong cố gắng tìm một giải pháp cho vấn đề trọng đại nói trên.

Cơ quan nghiên cứu văn hóa mà chúng ta mong ước phải bao trùm tất cả các ngành văn hóa, và để đạt mục tiêu cao rộng như thế, cơ quan đó chỉ có thể là một cơ quan công lập.

Hiện nay có một số cơ quan văn hóa có tính cách chuyên môn như Viện khảo cổ, Nha văn khố và Thư viện quốc gia, Nha Văn Hóa trong Bộ Giáo dục, nhưng có lẽ vì quá chuyên biệt hay thiếu phương tiện nên chưa giúp

được nhiều cho nền văn hóa Việt Nam nói chung. Vì vậy chúng ta cần một cơ quan nghiên cứu mọi ngành văn hóa và phối hợp công trình của những cơ quan văn hóa sẵn có. Trong mỗi ngành sẽ có những người chuyên môn phụ trách, và họ sẽ góp ý kiến và góp sức để tổng hợp và điều hòa những cố gắng và kết quả của mọi ngành.

Những người hằng lưu tâm đến văn hóa nước nhà đều đã nghĩ đến việc thành lập những nhóm, những hội tư nhân nghiên cứu văn hóa. Chúng ta có thể nói rằng những tác giả, kỹ giả đã từng xuất bản những tuần san hay nguyệt san thường thường vẫn ấp ủ cái mộng tập hợp một số bạn đồng nghiệp để đặt lại và giải quyết nhiều vấn đề văn hóa. Và một phần nào họ đã đạt được kết quả. Nhưng dù sao họ cũng không được hoàn toàn thỏa mãn vì muốn nghiên cứu văn hóa một cách thấu đáo thì trước hết phải có đủ người chuyên môn về mọi ngành, cần đặt tâm lực vào công việc sưu tầm trong nhiều năm, cần phải có đủ tài liệu, những điều kiện mà trong nước ta hiện nay chưa có một nhóm tư nhân nào có thể thực hiện được.

Cố nhiên, một hội tư nhân khi nào cũng có những ưu điểm đặc biệt của nó như là tự do lựa chọn người công tác, tự do làm việc theo một chỉ hướng, một phương pháp, sự giao thiệp thân mật giữa những người làm việc chung cũng là một yếu tố đáng kể. Nhưng những ưu điểm đó không lợi ích gì mấy trong khi không hội đủ những điều kiện nói trên.

Những điều kiện này có thể tóm tắt trong hai điều kiện chính yếu: nhân sự và tài chánh, và do đó chỉ chính phủ mới đủ tư cách để đảm đương việc thành lập và đài thọ một cơ quan nghiên cứu văn hóa.

Chúng ta có thể nói một cách thẳng thắn và khách quan rằng hiện nay chúng ta không thiếu văn sĩ, nghệ sĩ và học giả có giá trị. Nhưng từ trước đến nay họ không thể sáng tác hay nghiên cứu đúng mức khả năng của họ vì đời sống vật chất không cho phép họ làm việc theo chí hướng và sở thích. Một mặt knác, người trí thức hay trọng tự do cá nhân và độc lập tư tưởng, và trong thời buổi này lại càng e ngại trong những việc dính líu với tiền tài. Vì vậy, trong hiện tình đất nước, không có một tư nhân hay một nhóm tư nhân nào có thể kêu gọi một cách hữu hiệu toàn thể hay đại đa số các thức giả để góp sức xây dựng văn hóa của xứ sở.

Việc đó chính phủ có thể làm được. Chính phủ theo đúng trách nhiệm và bổn phận của mình, đứng trên các đảng phái, có thể chấp nhận tất cả các xu hướng văn hóa, tất cả các phương pháp nghiên cứu và phát triển văn hóa, miễn rằng các xu hướng và phương pháp đó phụng sự lý tưởng quốc gia và văn hóa dân tộc.

Chỉ chính phủ mới có thể dành một ngân khoản lớn lao để đài thọ những công tác sưu tầm thường xuyên và trường cửu, theo một kế hoạch và một chương trình dài hạn phải tính ít nhất từng năm năm một, mới có thể đạt đến những kết quả mong muốn. Chính phủ mới có thể xuất tiền mua một cách đầy đủ các ấn loát phẩm, và những tài liệu xưa và nay về Văn hóa Việt Nam và Á đông, hiện có thể tìm được ở trong và ngoài nước. Chính phủ mới có thể phái chuyên viên đến các thư viện lớn hay các viện bác cổ danh tiếng trên thế giới, nghiên cứu tại chỗ những tài liệu không thể nào mua được như những nguyên bản viết tay hay những sách ấn loát lần đầu tiên, hoặc để chụp hình những bản tài liệu đó đem về nước nhà.

Một mặt khác, miền đào sâu văn hóa Việt nam và Á đông cần biết thành thạo những cổ ngữ Á đông và nhất là chữ Hán và chữ Phạn. Ở xứ ta số người biết chữ Hán không nhiều, nhưng các vị thâm nho càng ngày càng hiếm, Chính phủ nên có một kế hoạch gởi những sinh viên xuất sắc có bằng Cử nhân Hán văn hay những nhà Hán học trẻ tuổi sang Đài loan, Đại hàn, Nhật bản để học hỏi và sưu tầm tài liệu. Còn về chữ Phạn thì trong nước ta rất ít người am hiểu tường tận, Vì vậy chính phủ cũng nên từ bây giờ lập một viện nghiên cứu về Triết học Ấn độ sang học cổ ngữ đó trong nhiều năm tại vài Đại học Ấn, Sau này về nước, không những họ có thể nghiên cứu tư tưởng hay văn chương Ấn mà còn dạy Phạn ngữ ở Trung Học và Đại học cũng như bây giờ chữ Hán được dạy trong các trường Việt-Nam. Như vậy họ sẽ tạo nên một truyền-thống học Phạn-ngữ ở xứ ta. Từ lâu các nhà học giả và sinh viên Việt-Nam đều nhận thấy rằng Phạn ngữ rất cần thiết để nghiên cứu văn hóa Á Đông, nhưng họ không học được vì trong nước chưa đủ giáo sư về môn đó, và khi được xuất ngoại để học hỏi thêm thì phần đông họ sang các nước Âu-Mỹ vì ngôn ngữ và văn hóa các nước này được trọng dụng ở nước nhà. Nay nếu Chính phủ nắm vững đường lối văn hóa quốc gia, thành lập một cơ quan nghiên cứu văn hóa, tru liệu đưa Phạn ngữ vào chương trình Trung và Đại Học thì thế nào cũng có một số sinh viên ưu tú sẽ xin đi học môn đó.

Nói tóm lại, để thành lập một cơ quan văn hóa xứng đáng với danh nghĩa của nó và triển vọng của những thức giả trong nước, với những khía cạnh phức tạp về bề mặt cũng như bề sâu, chỉ Chính phủ mới có thể thực hiện một kế hoạch rộng lớn và lâu dài về nhân sự cũng như về tài chánh để tận dụng và làm nảy nở đến mức tối đa tiềm lực văn hóa của xứ sở.

học như Godel đều phải công nhận rằng lý trí bị vấp phải những giới hạn, và ngoài những giới hạn của lý trí, hình như vũ trụ và con người còn chứa đựng những khía cạnh hỗn mang và phi lý nữa. Một tỷ dụ cụ thể là việc tranh luận của các nhà bác học về tính chất của « cái » được gọi là điện tử (électron). Về « cái » điện tử này, sau bao nhiêu cuộc thí nghiệm, các nhà bác học thấy phân vân quá, không biết nó là một lượng tử vật chất (corpuscule de matière) hay là một ba động thuần túy của tinh lực (onde d'énergie). Nói là một lượng tử vật chất cũng không hoàn toàn đúng, vì có những cuộc thí nghiệm chứng minh trái lại. Nhưng nói nó là một ba động thuần túy cũng chưa được. Nên rút cuộc, các nhà bác học đã phải dùng cả hai ý niệm onde-corpuscule để nắm sát lấy cái thực tại gọi là điện tử. Như thế, nền khoa học tân kỳ đã gần như trở thành nghịch lý, tương tự như xưa kia Long thọ Bồ tát đã định nghĩa rằng : chân không phải là có, không phải là không, chẳng phải là hiện hữu mà cũng chẳng phải là phi hiện hữu. Sở dĩ nền khoa học mới phải chấp nhận những quan niệm có vẻ nghịch lý như vậy, chính là vì khoa học đã bước đến nơi biên địa giữa vật chất và tinh lực, và ở nơi biên địa này, những quan niệm thuần lý không còn có thể áp dụng trọn vẹn như trước nữa..

NGHIÊM XUÂN HỒNG

MỘT VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU :

Vấn đề văn hóa

Ý KIẾN CỦA :

THƯỢNG TỌA THÍCH MINH CHÂU

NHÀ VĂN NGUYỄN VĂN TRUNG

NHÀ VĂN NHẬT TIẾN

Chúng ta phải xây dựng, phát huy Văn hóa, — Văn hóa thì quan niệm của chúng ta, những người bên này có tuyến 17. Tất cả chúng ta chắc đều đồng ý như vậy. Nhưng, nếu những người trong cuộc — những người làm Văn hóa nhiều khi cảm thấy bức bối, thiếu định hướng, đôi lúc hoang mang, thì những người khác, kể cả chính quyền, khi nghĩ đến những vấn đề văn hóa, chắc hẳn phải mang ấn tượng lạc vào địa đạo một thứ chiến khu Đ.

Chúng ta đã làm gì ? Chúng ta còn phải làm gì ? Những vấn đề nào phải được dành quyền ưu tiên giải quyết ? Phần việc nào là phần việc của chính quyền ? Có nên có một chính sách văn hóa, một kế hoạch hoạt động văn hóa, ngân sách dài hạn, nơi đây lại phần lớn là tự do ?

Chúng tôi nghĩ rằng cần phải bắt đầu từ chỗ bắt đầu, thấu hiểu ý kiến của nhiều người trong giới có thẩm quyền. Đó là ý nghĩa của cuộc phỏng vấn mà chúng tôi bắt đầu từ số báo này. Cuộc phỏng vấn tiếp diễn ở những số báo tiếp và sẽ đặt trong tâm của hai diềm : nhất định hiện tại và xây dựng tương lai. Hai diềm nêu lên như vậy không gò bó người trả lời vào những cương mục nhất định. Trả lời một cách tổng quát hay giới hạn vấn đề ở địa hạt chuyên môn của mình, người trả lời mang cảm tưởng đối thoại tâm tình. Những ý kiến nêu lên sẽ được tập trung lại và tư, sẽ được đúc kết.

Và, hết đầu... có thể một giải pháp sẽ được trình bày. Giải pháp của các bạn, của chúng tôi giải pháp của chúng ta.

Dưới đây là hai câu hỏi dựa vào hai diềm nêu lên ở trên :

- Nhận định về sinh hoạt văn hóa miền Nam
- Ý kiến về sự xây dựng và phát triển văn hóa miền Nam.

THƯỢNG TỌA THÍCH MINH CHÂU, VIỆN TRƯỞNG ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

— Sau 12 năm du học ngoại quốc, khi về nước, lại nhận lãnh một trách nhiệm nặng nề xây dựng Viện Đại Học Vạn Hạnh, chúng tôi thật tình không theo rồi được một cách thấu triệt sự tiến hóa của sinh hoạt quốc gia về mọi mặt. Do vậy từ trước tới nay, chúng tôi ít phát biểu ý kiến. Và lại trong lãnh vực văn hóa, hiện tình cũng chưa có đường nét nào rõ rệt. Về mặt văn nghệ nói riêng thì khá phong phú. Nhưng về mặt văn hóa nói chung thì hình như có sự ngưng đọng. Lý do cũng dễ hiểu : trong tình trạng chính chiến hiện tại, làm văn hóa là một công tác khổ nhọc, khó khăn, và chậm nhiều mặt, nên ngoài một thiểu số đã chọn «nghề», những người khác dù có khả năng cũng rất dễ nản chí vì trở ngại. Chúng tôi nhận thấy một vai hoạt động lễ tế phần nhiều thuộc phạm vi đại học. Ngoài ra công tác chung của toàn thể tri thức thì gần như là bế tắc. Gần đây, chính phủ chiến tranh đã cho lập thêm Bộ Văn hóa. Chúng tôi hy vọng Bộ Văn hóa sẽ khuyến khích phát triển sinh hoạt văn hóa và làm sao để cho sinh hoạt văn hóa của nhân dân hợp với nỗ lực của chính quyền. Phần từ cốt cán văn hóa là tri thức mà tri thức thì vì chịu qua nhiều cảnh bế bång nên đã kém hoạt động. Ngay như ở viện Đại học Vạn Hạnh, mặc dầu đã hoạch định được một chương trình phát huy quốc học và văn hóa dân tộc, chúng tôi vẫn còn ở trong giai đoạn đầu của việc thực hiện.

— Ngay trong lúc này, đưa ra một chương trình hoạt động văn hóa thì chưa thật thuận tiện. Tuy nhiên các cơ sở, các hội đoàn văn hóa có thể liên kết lại để hoạch định một đường lối chung. Sau đó, mỗi đơn vị sẽ cố gắng phát triển ngành chuyên môn của mình cho nhịp nhàng và hiệu quả.

Có thể nói rằng, bây giờ, giữa tình trạng phân hóa cực độ chỉ có một trường văn hóa là chỗ duy nhất có thể gây tình đoàn kết quốc gia và khôi phục lại tinh thần phần khởi của giới tri thức. Một khi sự chuẩn bị tinh thần đã đầy đủ, sự lũng đoạn đã dẹp bớt thì mọi việc sẽ bớt khó khăn. Vấn đề chính là phải xuất phát từ tâm niệm văn hóa thuần túy mà không chịu sự chi phối của một chính kiến bè phái nào.

Chúng tôi tưởng, một ĐẠI HỘI VĂN HÓA VIỆT NAM thế triệu tập được. Sau đó, các vấn đề khác như Lâm Viên, Hội văn hóa, Nghiệp Đoàn học giả, ký giả, sĩ, v.v... sẽ lần lượt được thành lập gây nên một khi thì đua phần khởi.

Trong phạm vi giáo dục, một chính sách giáo dục nhân dân, «khai phóng» phải đi vào thực chất chứ không phải chỉ là một châm ngôn. Hiện nay giới trẻ, nhất là viên đều có sự thao thức trở về với văn hóa dân tộc một thời gian xao động. Việc văn hóa không phải là riêng của lớp già hay nhà giáo, nhà văn mà mọi người có học thức. Đối với chúng tôi, vừa là ng xuất gia, vừa là giáo dục chúng tôi sẽ đứng yên cương vị văn hóa giáo dục thuần túy của mình để góp vào đại cuộc những sở đắc của mình.

Tóm lại, các nhà văn hóa hãy tìm cách ngồi lại với trước đã. Tọa xong hòa khi thì sau đó đạt sự tốt.

NHÀ VĂN NGUYỄN VĂN TRUNG

Tạp chí «Văn Đền» muốn làm văn hóa, đặt những vấn đề liên quan đến văn hóa, nhưng tôi tự hỏi các bạn chủ trì tạp chí «Văn Đền» có đặt vấn đề tạp chí trước khi ra đời tạp chí «Văn Đền»? Vì tạp chí là một lãnh vực của hoạt văn hóa do đó đặt vấn đề tạp chí là đặt vấn đề văn hóa, đầu đưa chúng ta vào việc tìm hiểu sinh hoạt văn của một thời kỳ, một hoàn cảnh lịch sử.

Hiện nay, tạp chí có phải là một vấn đề suy nghĩ không? Tại sao ra một tạp chí? Phải quan niệm thế nào là tạp chí văn hóa, văn nghệ? Tại sao một tạp chí ra đời, số tháng, vài năm rồi chết không kén không trống? Đ không chết hẳn một lần mà sống lại ngắc ngoải với một «Bộ mới», rồi lại «Bộ mới» sau đó mới thì chết hẳn?

Tại sao không có báo hàng ngày, người ta cảm thiếu xót một cái gì cần thiết, nhưng cảm giác trên có hoặc yếu ớt trong trường hợp thiếu những tạp chí văn hóa, văn nghệ?

Tại sao chúng ta thực sự mới chỉ có nghề viết báo hàng ngày, nghĩa là người viết báo sống bằng tờ báo, và chưa có nghề viết văn, nghĩa là người viết văn sống bằng tác phẩm và tạp chí văn hóa, văn nghệ?

Nhìn vào thực trạng tạp chí, tôi thấy có thể phân làm ba loại:

- «Loại tạp chí không đường lối, hay đường lối là không có đường lối, vì chỉ cần một người chủ nhiệm kiêm chủ bút chịu khó chạy xin bài đủ mọi hạng người và nhả nài thúc dục, chờ đợi với một chút tài ngoại giao...

- «Loại tạp chí có đường lối, nhưng dễ «làm giảng tri thức» mà thôi. Những người chủ trương thực ra không coi là quan trọng những điều mình viết: ăn, ngủ, ngồi tán dóc, rồi viết, xây dựng bằng tưởng tượng một mẫu người, một quan niệm riêng, một lý thuyết văn nghệ, coi văn học nghệ thuật như một vũ trụ riêng biệt mà mình là chúa tể, bắt xét những thực tại liên hệ như chính trị, xã hội, giáo dục...

- Loại tạp chí có đường lối, «dấn thân» coi là quan trọng những điều mình viết, muốn đặt những vấn đề với một niềm âu lo, một tinh thần trách nhiệm, nhưng chưa nhận ra những ảo tưởng tri thức của mình.

Những vấn đề đặt ra là vấn đề của ai, cho ai? Có liên quan gì đến đa số không? Một đảng là tầng lớp trưởng giả không thêm đề ý tới cái gọi là văn hóa dân tộc, văn chương Giao Chỉ, do đó họ có đọc là đọc sách báo ngoại quốc; một đảng là đông đảo tầng lớp bình dân ở nông thôn và thành thị không thể đề ý tới vì không có phương tiện, điều kiện hoặc không hay biết gì cả, tuy những vấn đề đặt ra, chúng ta tưởng là đặt ra cho họ, như vấn đề cách mạng xã hội, dân chủ hóa học chính, văn nghệ đại chúng v.v...

Do đó, những vấn đề đặt ra phải chăng chỉ phản ánh những ray rứt lương tâm của những người đặt ra và nhằm gửi tới một số người cũng mang tâm tư ray rứt như họ. Thiết thực chẳng giải quyết được gì, cho những người là đối tượng của vấn đề và có lẽ chỉ tạo cho những người đặt vấn đề một ảo tưởng «đã đặt được vấn đề».

Tôi chưa thể đề nghị một cái gì xây dựng; cụ thể bao lâu chưa thấy hết được những giải đáp cho những thắc mắc

tôi vừa nêu lên. Nói cách khác, chúng ta không thể tục thái độ cần viết thì viết, muốn ra một tạp chí, thì xõ cho ra bằng được, thế thôi, mà phải xét lại dự viết, hoàn cảnh xã hội, chánh trị của thời đại mình khỏi rơi vào những ảo tưởng trí thức. Chính trí thức một khả năng lột mặt nạ những ảo tưởng, khai phá sự nhưng khổn thay, chính trí thức cũng là khả năng ảo tưởng và sự sáng suốt và sự mệnh đi tìm chân lý, và khi sự sáng suốt chỉ che đậy một thái độ làm gián thức hay một bất lực trước một thực tại chúng ta, là mình thiếu hiểu và nhất là chẳng thay đổi được gì. Tôi ước mong những nhận xét cảm nghĩ bày tỏ trên thành lời mời gọi những độc giả của tạp chí «Vấn Đề» nghĩ về những vấn đề văn hóa từ chính vấn đề tạp chí chúng và vấn đề «tạp chí Vấn Đề» nói riêng : chỉ Vấn Đề sẽ sống được bao lâu ?

NHÀ VĂN NHẬT TIẾN

— Tuy câu hỏi đề cập đến vấn đề văn hóa, nhưng xin trả lời thu hẹp trong lãnh vực sinh hoạt văn học thuật. Bởi vì bản đến Văn Hóa thì miên man quá, sự cương vị một người viết tiểu thuyết như tôi không đủ tổ để mà nhận định toàn diện đối với lãnh vực rộng lớn Văn Hóa. Về sinh hoạt văn học nghệ thuật năm 66 vừa tôi có mấy nhận xét hoàn toàn chủ quan như sau:

1) Nhận xét thứ nhất: là có sự thay đổi đáng mừng về độc giả. Nghĩa là độc giả năm 66 đã chịu khó mua và đọc sách. Trong 10 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật trở lại đây, chưa bao giờ có hiện tượng tác phẩm xuất trong vòng 2 tuần lễ đã được tái bản. Vậy mà năm vừa có nhiều trường hợp như thế đã xảy ra (tác phẩm Nhũ Ca, của Duyên Anh, của Phan Tung Mai v.v.) Đêm Dài Một Đời của Lê Tất Điều tiêu thụ 200 cuốn ngay đầu tiên phát hành tại một hiệu sách. Tác phẩm Tay Học Trò của Nguyễn thị Hoàng mở đầu cho loạt Nghệ phẩm in đầy, bán đắt mà vẫn có độc giả tiêu

Chính vì độc giả bắt đầu chịu mua sách và đọc sách mà các nhà xuất bản hoạt động rất đều. (Trình bày, Văn, An Tiêm, Lá Bối, Nhân Chứng, Mai Anh, Những tác phẩm hay Thứ Tư Tuần San v.v...). Phải chăng vì quá mệt mỏi trước tình trạng xáo trộn ghê gớm trong xã hội trước ảnh hưởng của chiến tranh mà độc giả quay về với thế giới tương đối trầm lặng hơn, tương đối còn đôi chút tươi mát hơn ngoài đời, ấy là thế giới của tiểu thuyết ?

Tuy vậy, đó chỉ là một hiện tượng tương đối khả quan hơn những năm trước chứ chưa phải là một sự tiến triển đáng mừng. Bởi vì nhu cầu đọc tiểu thuyết văn nghệ chưa chiếm được một vị trí thiết yếu đối với độc giả. Nếu chịu khó quan sát tình hình xuất bản ở đây trong vòng mấy năm trở lại, người ta thấy một đạo thiên hạ đồ xô nhau đi đọc Kiếm hiệp, truyện chương của Kim Dung trở thành một cái mốc của tầng lớp trí thức những lúc trà dư tửu hậu, hình như ai thiếu hiểu biết về vấn đề chương này (không biết tên nhân vật, không biết câu chuyện xảy ra đang tới hồi nào, không thuộc vài thế võ bí truyền...v.v...) thì người đó trở nên lạc hậu và phát sinh cái mặc cảm thua kém, ngỡ ngàng. Rồi giai đoạn chương qua đi, người ta bắt đầu đồ xô đọc Gián điệp mà dẫn đầu là loại sách Z 28 của Bùi Anh Tuấn. Truyện Z 28 không biết ăn khách đến độ nào mà chỉ một thời gian ngắn, tiểu thuyết gián điệp được tung ra tràn ngập, nhộn nhịp gấp mấy lần sinh hoạt tiểu thuyết văn nghệ. Mỗi tác giả khai sinh một tài hoa trong ngành gián điệp, bắt chước kiểu Z 28 như N 24, Z 33, FA 007, U 42 v.v...

Như thế, nhu cầu đọc sách và truyện của độc giả có vẻ thất thường. Nếu độc giả đã từ kiếm hiệp chuyển qua gián điệp, từ gián điệp trở về địa hạt tiểu thuyết văn nghệ như năm vừa qua, thì trong năm nay, chưa biết tiểu thuyết văn nghệ có đủ bản lĩnh giữ vững được lòng ham chuộng của độc giả hay không ?

2) Nhận xét thứ hai: là khuynh hướng phản chiến hiện ra
(K.D. 1 dòng)

nhất là những tác phẩm in trên các tạp chí hay rải trên mặt báo. Đề cập đến danh từ phản chiếu lúc này nhiều người cho rằng đã phản bội sự hy sinh xương máu của anh em chiến sĩ ngoài mặt trận, đồng thời đã chứng tỏ trình độ chính trị ngày thơ đối với thủ đoạn của C.S. Có lẽ cũng vì quan niệm như thế mà nhân viên phòng kiểm duyệt năm 66 đã phải trải qua một năm làm việc mệt mỏi và mệt nhọc. Có lẽ cũng vì sợ bị kết tội như thế này trong thâm tâm ai cũng mong mỗi chiến tranh chấm dứt nhưng ít người lại dám phát biểu ra ngoài.

Nhưng tôi nghĩ rằng quan niệm của văn nghệ sĩ ở Việt Nam nay không phải chỉ nhằm vào một đối tượng đơn thuần là những người đứng trong hàng ngũ ở bên này vì tuyên. Bởi vì, khi đề cập đến chiến tranh, đến tá phạ, đến thương vong và những xác chết chôn vùi ở dưới núi hay đồng bằng, người cầm bút đã cố gắng thức tỉnh con người ở mọi phía, ở mọi bình diện chính trị, mọi mặt sắc tôn giáo; họ đứng trên lập trường nhân bản, dưới ánh sáng của lương tri mà nói lên tiếng nói của họ, với bè bạn này, với bên kia, với mọi dân tộc trên thế giới để mong cao sang van minh của nhân loại mau chóng soi tỏ và khoãng đất đen tối và thê thảm nhất ở thế kỷ hai mươi mốt đồng thời để cho những cái như nhục đó khỏi tái diễn bất cứ nơi nào bất cứ lúc nào đối với bất cứ dân tộc nào trên thế giới.

Chiến tranh trên đất nước này có thể còn kéo dài, nhưng còn phải kéo dài. Người cầm bút không phải là những người có cái đầu vạn năng điều khiển được sách lược của cả hai khối lớn nhất trên thế giới hiện nay là Tự Do và Cộng Sản, để bắt họ phải làm như thế này hay thế kia.

Nhưng dù ở hoàn cảnh nào, ở vị trí nào, ở màu sắc chính trị nào, người cầm bút cũng không thể cõ vũ cho một cuộc tàn sát, ở bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, bất cứ vì mục đích gì. Cho nên, cái gì cần nói vẫn phải nói, cho dù tiếng nói của văn nghệ sĩ sẽ bị nhu cầu nhất thời của chính trị lên án và kết tội.

Nhưng người văn nghệ sĩ vẫn tin tưởng rằng ở mức cuối cùng tiếng nói của họ vẫn toàn thắng. Vì họ nói lên tiếng nói của lương tri, của nhân đạo, của quyền sống tối hậu của con người.

Cho nên, trong năm vừa qua, nhiều người cũng đã thất vọng không ít trước những lời cõ vũ phải đánh mạnh, đánh lâu dài, đánh vài thế hệ nữa nếu cần, của văn hào John Steinback giải thưởng Văn Chương Nobel 1966. Lời nói ấy nếu phát xuất từ một vị tướng lãnh, một nhà chính trị thì còn có thể chấp thuận được nếu đứng trên quan điểm nhu cầu quân sự và chính trị của họ nhưng nếu lại được nói ra từ một nhà cầm bút lớn lao như J. Steinback thì quả là một sự mỉa mai, chua chát.

Tuy vậy, người VN không lấy thế làm buồn hay bực tức. Bởi vì dù là văn hào được giải Nobel như ông John Steinback, thì tiếng nói của ông cũng chẳng thay đổi được gì về đời sống tinh thần của người VN và tác phẩm của ông, nếu ông có sẽ viết về chiến tranh VN sau mấy tuần thăm viếng ở VN, cũng chẳng nói lên được gì nhân danh cho VN cả. Điều rõ ràng nhất là ông không phải người VN ông cũng không sống nếp sống của người VN, nghĩ ý nghĩ của người VN và ông đã ở VN quá ít, thì giá trị tác phẩm của ông chỉ có trên một phương diện nào đó thôi.

(chẳng hạn ông viết về lính Mỹ ở VN thì được). Đã cấp đến Văn hào John Steinback thì không thể không cấp đến học giả Hồ Hữu Tường, bởi vì ông Hồ Hữu Tường đã công khai viết thư cho John Steinback nhân danh một người cầm bút ở VN. Sự quan trọng của vấn đề không phải là ở sự đấu trí hay đấu lý giữa hai người nhưng chính là ở cuộc đối thoại của Hồ Hữu Tường và John Steinback được nhiều người chú ý, không những ở VN mà cả ở ngoại quốc nữa. Đáng lẽ nhân dịp hiếm có này học giả Hồ Hữu Tường nên đặt vấn đề có hệ thống mà nói — rõ rệt — và sắc bén nhưng ngược lại ông dùng cách hành văn lòng vòng kể chuyện con cá con kê, bình phẩm chỉ cốt kéo ra cho thật dài để phô trương cái tài viết nhanh và uyển bác của mình. Kết quả, lá thư của Hồ Hữu Tường gửi John Steinback đã biến thành một bản kê sinh cho truyền đài người Mỹ ưu tư (The unquiet American) chơi chữ với The quiet American của Graham Greene. Trong khi ấy niềm hy vọng, tin tưởng của lớp trẻ, đặt vào tính nghiêm và nề tin của Hồ Hữu Tường tiến sinh trong việc đối thoại với văn hào John Steinback những tưởng là tiến sinh sẽ nói lên được một vài cái gì đặc sắc trước nhân dân thế giới trong cuộc chiến tranh ở VN, mà rõ ràng niềm hy vọng và tin tưởng ấy đã trở nên tàn lụi một cách buồn bực.

3) *Nhập xê thức ba:* là vấn đề qui tụ văn nghệ sĩ thành một tổ chức độc lập, có uy tín vẫn là một vấn đề không giải quyết được trong năm 1966. Kiểm điểm lại thì vẫn chưa quanh quẩn có mấy hội hoạt động một cách lu mờ: Trung Tâm Văn Bút V.N vẫn mang cái sắc thái cố hữu của nó, nghĩa là hoạt động lững thững, đứng bên lề của sinh

hoạt Văn học nghệ thuật, hội viên thì đông, thực lực thì có nhưng động viên được mọi người tham gia vào công việc, để làm nổi bật lên cái thực lực đó thì lại là một vấn đề khác. Tuy vậy cũng chẳng nên lấy làm lạ, bởi vì cụ Chủ tịch Văn Bút hiện nay (thi sĩ Vũ Hoàng Chương) vẫn cương quyết với lập trường trung thành với Hiệp Hội, Chương của Văn Bút Thế giới, là Hội Văn Bút chỉ là nơi gặp gỡ của anh em Văn nghệ sĩ để trao đổi kinh nghiệm sáng tác trước tác, còn mọi hoạt động tham gia khác thì chỉ là công việc làm thêm, Mà Văn Bút V.N. thì cũng đã làm thêm được quá nhiều: tổ chức giải thưởng văn chương, nói chuyện hàng tháng và ấn hành Nguyệt San Tin Sách. Trong khi ấy, những Trung Tâm Văn Bút thế giới lớn lao như Hoa Kỳ, Anh, Pháp... nếu đem so thành tích thì còn thua Văn Bút V.N xa, bởi vì một năm họ cũng chỉ ấn hành một tập kỷ-yếu ghi những hoạt động của hội viên, và tập này được phát không. Như vậy, với quan niệm hẹp hòi ấy, hiển nhiên Trung Tâm Văn Bút V.N hiện nay không phải là một cơ sở lý tưởng có thể là động cơ phát triển mạnh mẽ Văn Học Nghệ Thuật trước nhu cầu thiết yếu của dân tộc hiện nay, trừ phi đã thông được với cụ Chủ tịch Văn Bút cái vấn đề: "hòa cảnh sinh hoạt Văn học nghệ thuật ở xứ người ta khác, ở xứ mình khác, không thể lấy cái khuôn của người ta mà làm cái khuôn của mình được".

Năm 1966, người ta cũng nghe nói đến 1 tổ chức Văn học nghệ thuật khác, đó là Hiệp Hội văn học nghệ thuật. Nhưng Chủ tịch là ai? Chương trình hoạt động thế nào? Đã làm được những gì? Thi xin thú thực, về phần tôi, tôi chưa được biết rõ nên không dám lạm bàn.

Một cơ sở khác nữa quy tụ được danh tinh của một số rất đông văn nghệ sĩ, học giả, kỹ giả, cũng xuất hiện mạnh

mẽ trong năm 66, đó là Hội Bảo Vệ Văn Hóa Dân Tộc.

Nhưng có lẽ vì bị trói buộc trong danh nghĩa «Bảo vệ» mà không có danh nghĩa «phát huy» nên hoạt động của hội chỉ nhằm vào trọng điểm đánh mạnh về phía Vĩ chương đòi truy, khiển dâm, ý hẳn Hội quan niệm rằng sở dĩ tinh thần con người hiện nay xuống dốc thế này đều do một nguyên nhân khiến dâm, đòi truy mà ra. Thiệt chí của Hội thật đáng quý, cho dù quan niệm như thế thì quả hẹp hòi, nhưng có một hiện tượng sáo sà này mà chúng ta, nên lưu ý : Đó là vấn đề xử dụng danh từ đao to búa lớn, mà lúc thực hành thì không xứng bao nhiêu với thực chất của danh từ. Về điều đó, nhìn qua thì thấy chẳng chết ai, (Chính phủ không đánh thuế) nhưng thật ra đã hủy hoại lòng tin tưởng và kỳ vọng của biết bao người có thiện chí muốn ủng hộ và đặt hy vọng vào việc làm của mình. Rứt rời cái môi trường sinh hoạt Văn Hóa ở đây biến thành một cái thùng acit, bao nhiêu lòng hăng hái, tin tưởng ném vào đều rã rời, tan biến cả.

Ngoài ra trong năm 66 danh từ Văn Hóa Dân Tộc cũng gây sôi nổi không ít. Văn Hóa Dân Tộc là cái gì ? Nếu chỉ quan niệm Văn Hóa Dân Tộc là mấy điệu vũ nhạc mà người ta thường mượn của ban vũ nhạc Cổ điển ngoài Huế, mỗi khi cần tổ chức cái gì hay mấy điệu hò, điệu trống, ăn mặc có màu sắc thôn quê V.N như đeo yếm, mặc váy, áo dài chít khăn thì quả là mĩa mai cho danh từ Văn Hóa Dân Tộc. Bởi vậy, trong năm qua, còn nhiều thắc mắc của mọi người mà chưa được giải quyết thỏa đáng. Đó là những vấn đề :

— Thế nào là Văn hóa Dân tộc ?

— Nó ở đâu ? Nó làm sao ? Nó bị cái gì xâm phạm nên phải bảo vệ ?

— Và bảo vệ thì bảo vệ thế nào ?

Hy vọng qua năm 67, Hội bảo vệ Văn Hóa Dân Tộc phát triển hoạt động mạnh mẽ để đánh tan mọi hiểu lầm, mọi dư luận xâm xỉ một cách oan uổng trước thiện chí của quý vị hội viên của Hội và nhất là quý vị sáng lập Hội.

4) Nhận xét khác — là trong năm 66, hàng ngũ văn nghệ sĩ vẫn mang nặng tinh chất rời rạc, riêng lẻ của những năm về trước. Anh chị em Văn nghệ sĩ không thấy vấn đề ngồi chung lại với nhau là cần thiết. Bởi vì họ quan niệm sáng tác là mục tiêu lối hậu của Văn nghệ sĩ. Miễn là có tác phẩm xuất bản đều đặn là đủ rồi. Còn vấn đề bảo vệ quyền lợi tinh thần và vật chất của văn nghệ sĩ thì hầu như không ai giám mơ ước tới. Hình như tất cả, đều đủ tạo được cái quen chịu đựng thiệt thòi như thế rồi. Còn vấn đề phát triển văn hóa theo kế hoạch, đường lối thì hầu như đa số có cái tâm lý là khoán trắng cho chính quyền. Mặc chính quyền muốn quan niệm thế nào là văn hóa, muốn phát triển văn hóa theo chiều hướng nào, không ai cần thấy góp ý, mà hình như Chính quyền cũng chẳng thân góp ý kiến của ai, hoặc giả có nghe ngóng được một số dư luận thì người có thẩm quyền quyết định vẫn thì hành theo ý kiến riêng tư của mình.

Chỉ đến lúc sự việc đã xảy ra rồi, hậu quả mang lại không mấy thuận lợi, người ta mới lại tìm cách chống đỡ, bao biện để rồi kế hoạch chẳng ngổ ngỗ tới đâu, chỉ mang thêm nhiều xáo trộn vô ích (vụ trường tây là thí dụ điển hình).

Trở về địa hạt sinh hoạt văn học nghệ thuật, sự thờ ơ đóng góp ý kiến của Văn nghệ sĩ vào vấn đề phát triển văn học nghệ thuật càng rõ rệt. Đặc biệt nhất là sự im

lặng của Văn nghệ sĩ trong vụ Chu Tử lên án Vũ Hạnh là cán bộ văn nghệ C.S nằm vùng, phá hoại hàng ngũ quốc gia bằng cách phổ biến những tác phẩm văn nghệ tuyên truyền cho C.S. Thật là động trời, động trời cả về phương diện lời tố giác đó có thật, lẫn phương diện lời tố giác đó là chụp mũ. Bởi vì nếu có thật thì bằng cách nào, Vũ Hạnh đã vận động để xin ấn hành được những tác phẩm đó, và bằng cách nào, cho đến nay, sau lời tố giác của báo Sống, những tác phẩm đó vẫn còn được lưu hành? Còn nếu lời tố giác đó nếu chỉ là luận điệu chụp mũ thì bằng hạ thủ nào, báo Sống dám làm chuyện động trời để đánh lừa mấy chục ngàn độc giả và hạ uy tín của một cây bút trong hàng ngũ văn nghệ sĩ Quốc gia? Phải chăng, về điểm này vẫn còn là một nghi vấn trong năm sinh hoạt Văn học nghệ thuật 1966?

5) *Nhận xét thứ năm:* Xin lấy làm nhận xét cuối cùng, vì vấn đề thật miên man, còn biết bao nhiêu cái cần đề cập tới, không làm sao nói cho hết. Nhận xét này xin dành để bàn qua cái chương trình tổng quát của Bộ Văn Hóa do BS Nguyễn lưu Viên tuyên bố trong buổi phát giải Văn chương do Trung Tâm Văn Pút Việt Nam tổ chức tại Quốc gia âm nhạc viện Sài Gòn. Theo lời BS. Nguyễn lưu Viên thì Bộ sẽ phát triển mọi ngành sinh hoạt Văn nghệ: thúc đẩy ngành vũ, thiết lập sân khấu để phát triển ngành kịch, tạo cơ hội cho văn nghệ sĩ sáng tác và trình diễn, lập bảo tàng viện để sưu tầm và lưu trữ các Sản phẩm văn hóa...v.v. Chương trình nhiều điều hấp dẫn và sùng tãi, nhất là anh chị em văn nghệ sĩ. Bởi vì trọng tâm của Bộ hướng về văn nghệ nhiều hơn là văn hóa. Thế cho nên, đề nghị với Chính quyền cho đổi quách thành bộ Văn nghệ hơn là bộ Văn Hóa. Danh nghĩa có vẻ phù hợp với chương trình làm việc hơn, mà lại không bị ràng buộc bởi những vấn đề quá to

tát, nếu sau này chỉ có thi hành được chút đỉnh thì cũng chẳng ai moi móc, nói hơn nói kém gì được.

— Tôi không giám lạm bàn về vấn đề đưa ra kế hoạch và đường lối phát triển văn hóa, công việc của một tập thể hơn là một cá nhân. Ở đây, tôi chỉ xin nói đến một khía cạnh vốn là một trong những nguyên nhân sâu xa làm ngăn cản công cuộc phát triển văn hóa. Đó là sự phối hợp chặt chẽ giữa phương tiện đầy đủ của Chính phủ với nguồn năng lực dồi dào của những con người đứng ngoài chính quyền với tư cách một công dân.

Đúng như lời BS Nguyễn lưu Viên đã nói, chính quyền chỉ có phương tiện. Và chỉ mang đến cho anh chị em Văn nghệ sĩ phương tiện Còn vấn đề dùng phương tiện ấy mà phát triển mọi công tác văn học, nghệ thuật thì phải căn cơ sự đóng góp của anh chị em văn nghệ sĩ. Chẳng hiểu đó có phải là lời tuyên bố xuống xê trong một buổi tiếp tân hay không, nhưng dù sao thì đó là một sự thật, một sự thật sẽ phải xảy ra, nên chính quyền muốn phát triển văn hóa.

Ngược lại, dù có khuynh hướng không ưa thích dinh dáng đến Chính quyền, nhưng muốn phát triển văn hóa, anh em văn nghệ sĩ không thể không nghĩ tới chính quyền mới có đầy đủ phương tiện, và muốn cái phương tiện đó không bị xử dụng vô lý, phung phí một cách vô ích thì vấn đề tương quan giữa văn nghệ sĩ với chính quyền phải được đặt ra trên căn bản 1 sự thỏa hiệp lấy tinh chất độc lập của văn nghệ sĩ làm căn bản. Nói rõ hơn tôi vẫn nhận thấy cái tinh thần khoán trắng cho chính phủ làm công việc phát triển văn hóa cần phải dẹp bỏ và văn nghệ sĩ phải tích cực hơn trong vấn đề tiếp tay với chính quyền trong nhiệm vụ phát triển văn hóa. Tất nhiên tiếp tay với chính quyền không có nghĩa là tình nguyện biến thành một

thứ công chức văn nghệ (xin đừng lầm với công chức văn nghệ vì thiếu gì văn nghệ sĩ làm công chức). Thành « công chức văn nghệ » thì văn nghệ sĩ không danh hiệu tốt đẹp là văn nghệ sĩ nữa. Bởi vậy, sự tị với chính quyền phải đặt trên một vài nguyên tắc cũ. Đó là:

— Văn nghệ sĩ tiếp tay với chính quyền nhân nguyện vọng chính đáng của dân tộc.

— Văn nghệ sĩ không chịu trách nhiệm với chính quyền nhưng chịu trách nhiệm trước lịch sử.

Khi phương tiện đã có, nhân sự dồi dào, thiện chí cả những vấn đề khác chỉ còn là vấn đề sáng kiến, hoạch mà thôi.

KỶ SAU — ý kiến của L.M. Viện trưởng Viện Đại học Lạt, kịch sĩ Hoàng Trọng Miên, giáo sư Nguyễn Khắc

dấu chân

THẠCH CHUÔNG

7 THÁNG 2

Cũng lại trên khoảng « phố buồn » phía tây bắc, bên ngoài, thành phố Huế đó — như ma dẫn lối quỷ đưa đường. — nơi của những cồn cát đìu hiu, những bờ lau sậy mọc lên dự phần vào những tình cờ như thẳng người nô lệ trong tự do, Bernard Fall, mười bốn năm trước đây nhân chứng của cuộc tranh giành quyền có mặt, quyền hưởng ánh sáng mặt trời và không khí, quyền than van và ca hát, giữa Mặt Trận Việt Minh và đoàn quân viễn chinh Pháp, đã làm cuộc hành trình cuối cùng trong đời ông. Những người trông thấy kể lại rằng, Fall, trong một cuộc hành quân « lùng và diệt địch », lần này với một trung đội Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, đã dẫm phải mìn Việt Cộng: ngã xa; có người trông thấy xác chàng bắn bổng lên trời rồi tiếp theo mới là tiếng nổ chát chúa, và xác chàng rơi xuống đất, bất động.

Nếu, theo những nhà thần bí, chủ nghĩa Cộng sản là hiện thân của sự Ác ở trên trần này, thì Fall là một nạn nhân vô tội nhất của sự Ác đó. Và mọi sự tình cờ ở trên đời thì chẳng ai cắt nghĩa nổi, cũng như chẳng ai cắt nghĩa nổi cái tình cờ bị thảm của Albert Camus.

Và dường như thâm kịch đã gắn liền với phần của Fall rồi: cả cha lẫn mẹ ông, dân Do Thái ở Á đã chết trong một phòng *gas* nào đó của Nazi. Năm 16 tuổi, Fall tham gia phong trào kháng chiến trên lãnh thổ Pháp. Bị ám ảnh bởi những kinh nghiệm chua xót của chính mình, Fall tự nhủ lãnh cái sứ mạng đi tìm một lời giải nghĩa cho cơn hấp hối, tình trạng hỗn mang, những niềm hy vọng và tuyệt vọng của miền đất đau xé này: nhà bác học giả, giáo sư, nhà phê bình chính trị, và chuyên viên nổi tiếng nhất về « vấn đề Việt Nam », tác giả *Con Phố Buồn, Hai Nước Việt Nam và Địa Ngục một Nơi Rất Nhỏ*, Fall đã trở lại với xứ sở « đẫm máu » này một lần nữa.

Không nói gì đến những bất đồng ý kiến của ông với Hoa-Thịnh-Đốn; chỉ ghi lại rằng trái tim cay nghiệt đó đã làm Fall bỏ dở sứ mạng nghiên cứu « tâm lý và chiến thuật Việt Cộng » của ông.

*If the radiance of a thousand suns
Were to burst at once into the sky,
That would be like the splendor of the Mighty one*

*I am become Death,
The shatterer of the words.*

(trong *Bhagavad-Gita*)

Hai đoạn thơ trên thoáng qua óc J. Robert Oppenheimer buổi sáng ngày 16-7-1945, trên bãi sà mạc gần Alamogordo, một tỉnh phía Nam tiểu bang

New Mexico, Hoa Kỳ, trong lúc ông đang cùng với một nhóm khoa học gia đứng ngắm cái thành quả vĩ đại của trí tuệ loài người: quả bom nguyên tử đầu tiên trên đời đang nổ huy hoàng, với từng đám mây nấm lớn.

Nhà vật lý học nguyên tử đó mệnh chung hôm nay, sau một trận chiến lâu dài với trùng ung thư.

Tôi ôm vai người gầy đi trong một khu phố Sydney về tối thưa người, dưới trời mùa đông. Và thênh thang gió phả buốt vào mặt vào cổ. Những cửa hiệu đèn neon và những vật dụng trưng bày nhảy xó trước mắt, nhộn nhịp mà lạnh lùng, không quyến rũ. Đèn ngoài đường xanh và cao và không thêm nhìn chúng tôi. Bên tay phải chúng tôi là công viên có tiếng gió reo trên những cành lá cây vì vút, xa thăm thẳm — như thể chúng tôi ở một thế giới và công viên ở một thế giới. Chúng tôi ôm nhau đi xuống — bởi con đường là triền dốc — trong màu xanh đen của buổi chiều rét, mà không gian thì lung linh, và bước chân chúng tôi thì nhộn nhàng, nhẹ và khó như trong giấc mơ. Buổi chiều tối hôm đó chúng tôi đứng lại ở dọc đường, dưới một ngọn đèn xanh cao, lần đầu tiên hôn nhau, nóng như than đỏ và lo âu bằng hai kẻ ngoại tình lần đầu tiên mãn nguyệt.

Và đêm hôm đó chúng tôi xem một phim tình ái của Alain Resnais: *Hiroshima Mon Amour*.

« Có thể vĩnh viễn là mùa xuân của chúng ta. Xói dao vào ngực em để anh nghe tim anh nói, tình yêu khởi sự đầu mũi dao nhọn. Hiroshima anh ôm em như ôm một vết thương. »

«Mùa đi trốn cuối cùng của đàn chim én. Nghe không nổi đau thành phố đường hoang có viên ngủ cột đèn đi vắng mái nhà nghiêng là mắt chớp xuống thành châu ngọc. Loài Pelican em ngực biểu anh trái tim em còn rỏ máu. Anh thở độc vào trái tim và cắn một nửa. Một nửa anh mọ cho loài người yêu quý. Hiroshima anh hôn em n hôn một vết thương..»

Vĩnh biệt Oppenheimer. Và xin hãy cầu nguyện cho người!

VỀ TƯ YÊN TRUYỀN

Khai thác triệt để những bản năng cơ bản của người cô đơn, gài trong tim nó một trái n ý thức hệ, oanh tạc năm giác quan nó bằng ng với những «huyền thoại» xảo trá nhiệt tình, nhữ ảo vọng, ảo tưởng mà một trăm thế hệ có thể chẳng hề với tới, bằng những kỹ thuật gọi là «thuật tâm lý», trên căn bản một khám phá si vật học gọi là thuyết «phản xạ chiếu điều kiện» thế là anh đã hoàn tất được một hệ thống truyền chính trị cực kỳ mâu nhiệm và tinh xảo vậy.

Thằng người làm gì có những nỗi đau thầm k làm gì có những tình tự một mình? Nó là «đồng hữu cơ», chỉ phối bởi một bộ thần k với năm cửa ngõ mở ra ngoài đời làm vì, g một đám đông dễ chịu kích động. Đám đông tất cả; thằng người một mình nó là hư vô.

Nhưng tôi dám nói quả quyết rằng hệ thi tuyên truyền chính trị của Trung Hoa Đỏ vẫn

chưa tuyệt hảo, bởi lẽ nó vẫn chưa xóa bỏ được ở người dân Trung Hoa những phân biệt phát sinh từ thời phong kiến cũ: phân biệt, chẳng hạn, giữa những bộ phận đáng khinh và đáng trọng trên thể xác con người. Hãy đọc tin Thời Sự quan trọng nhất hiện nay dưới đây, do tuần báo Time số ra ngày 17.2-1967, trong mục The World, đăng tải (tr. 18) :

«Theo những tờ truyền đơn rải ở Bắc Kinh, Mao Trạch-Đông báo động cho quân đội trấn giữ biên thủy biết rằng Nga Sô đang tăng cường quân số dọc theo biên giới Trung Hoa. Sự hai bên khinh miệt nhau rõ rệt nhất là ở biên thủy Nga-Hoa, tại tỉnh Tân-Cương. Tại đây, theo lời một phóng viên Nhật vừa viếng thăm miền đó, quân đội Trung Hoa xỉ nhục bọn «xét lại» bằng cách tui quần xuống và vỗ dít vào mặt bọn Sô-Viết ở phía bên kia biên giới. Hành động «khiêu khích» này của lính Trung Cộng chỉ ngừng lúc lính Nga gior lên cao một bức chân dung của Mao Trạch Đông....»

VỀ TƯ NGOÀI XÃ HỘI

Hệ thống kinh tế các quốc gia cộng sản Âu Châu, khoảng mười năm trở lại đây, đã tiến gần đến hệ thống kinh tế các quốc gia tư bản hơn: hiện tượng tự do cạnh tranh được nhận thấy trên thị trường một số tiêu thụ phẩm.

Giai cấp vô sản Nga, Tiệp, Nam Tư, Ba Lan..., qua những hình ảnh trên những tạp chí tây phương, đã có những cái bụng đầy ra hơn, má bầu ra hơn.

Quan hệ sản xuất tiến hóa, cổ nhiên phong độ con người tiến hóa.

Một trong những loại sách bán chạy nhất trong tháng 2 ở Nga và Đông Âu là loại sách dạy cách giữ ý tứ khi ra ngoài xã hội. Người ta đọc truyện cuốn *Con Người Giữa Mọi Người* của nhà nữ phê tâm học của thủ đô Tiệp Khắc, Madame Mile Majorová, chẳng hạn:

— «Khi ăn no quá, bạn chờ nên cời cúc quần trên của bạn».

— «Ợ là một điều thậm vô-ý-tứ. Nhưng chớ ợ, bạn chỉ cần nói, xin lỗi, mà thôi chớ đừng nên đi vào chi tiết giải nghĩa tại sao bạn ợ làm như thế.»

— «Khi gặp một người bạn phái yếu, bạn nắm tay người ấy, và gọi người ấy bằng *Madam* chứ không nên gọi bằng đồng chí và chào lỗi nể đấm.»

— «Cố đừng nấc cụt. Tại sao? — Bạn sẽ là phiền người hàng xóm.»

Thật là phong kiến, tư sản, suy đồi, phi động, phản bội hết sức!

THẠCH CHUÔNG

khôi phục văn chương giác ngộ phê bình

NGUYỄN-SĨ-TẾ

1.— Đã từ lâu, người ta phải nhận định rằng văn học của thế kỷ này là thứ văn học nặng tính cách siêu hình và chính trị. Cái vinh của người hiện đại: sự trưởng thành về tư tưởng, tinh thần tự thể hiện chân lý... Nhưng cũng có cái nhục: người ta bỏ quên văn chương; cái đẹp thoát lui nhường bước cho cái mà người ta gọi là chân là thiện. Và những lạm dụng: mới bằng tí tuổi đầu thiếu niên đã lao mọi sức lực húc đầu vào những vấn đề tư tưởng hắc búa, vượt qua được thì ít mà ngã gục thì nhiều; lớn khôn rồi, người ta cũng cố chạy vay lấu một vài tư tưởng gọi là tân kỳ hay tiến bộ để làm đồ trang sức cho những trang viết của người ta.

2.— Và thế là nhiều hậu quả không ngờ đã xảy ra. Càng đi tìm cái chân cái thiện, người ta càng chia rẽ nhau. Thậm chí người ta lại phải nhận định thêm rằng thời đại

của chúng ta là thời đại của chiến tranh, chia rẽ, xuyên và phản bội. Để tranh đấu cho một ý thức hệ nào đó mà ta sẵn sàng « đấu tư » mọi khả năng, mọi xảo thuật. Thế là khoa phê bình văn học cũng gia nhập vào con tổ siêu hình và chính trị để trở thành chủ quan, lệ, võ đoán.

3.— Bài viết này có đối tượng khôi phục cái phạm đặc thù của văn chương, và, trên sự khôi phục đó, chánh những đường lối phê bình vô quy tắc đã đem lại một cái lợi nào cho văn chương mà còn hại nó.

Về phạm trù của văn chương, kể ra những nghĩa gác của các danh từ văn học và văn chương cũng đã lên được cái phần cốt yếu nhưng vì lý do này hay lý khác mà người ta xa dần và quên lãng đó thôi. Văn học và văn chương và học thuật. Văn-học vẫn có một nghĩa là quát hơn văn chương. Không ai có thể chối bỏ cái nghĩa « đáng bề ngoài » của chữ văn. Văn là vẻ đẹp, chương là vẻ sáng, Phan Kế Bính nói. Phải dành cho danh từ văn một ý nghĩa thể chất và cho danh từ văn chương một ý nghĩa hình thức. Làm sao chối bỏ được rằng văn chương là một bộ môn nghệ thuật ?

Văn học có một đối tượng rộng lớn và phức tạp: ca tiễn thuyết, sân khấu chiếu bóng, truyền thanh (người ta quen gọi là sáng tác hay văn nghệ), sử ký, tiểu thuyết, luận thuyết, phê bình... Tất cả những phân-bộ đó lại cốt yếu là những « hình thức văn chương » thâm quyền của văn-thể-luận (hay lý thuyết văn học). Nhiên hậu, những thể tài đó mới hướng vào : Triết học, khoa học, chính trị, tôn giáo, xã hội nghệ thuật... Thế là tác phẩm nhất là loại sau, loại triết học và chính trị, mà hai viễn tượng : góc cạnh chung của nhà văn học, và góc cạnh chuyên môn của nhà triết học, chính trị học.

Văn chương, hay văn học hình thức, — chính là cái góc cạnh chung đó. Ta thử đào sâu cái góc cạnh này hơn nữa.

1.— Trình bày như trên thì văn chương chỉ lấy triết học hay chính trị làm cái chất liệu thô sơ mà nó biến đổi đi để làm thành những xúc động, rồi mặc cho những xúc động đó những cái áo nghệ thuật của ngôn ngữ.

Ta có thể giải quyết cái xung khắc cổ điển mà người ta đặt ra cho nội dung là xung khắc lý trí tình cảm bằng những mối xúc động văn chương vừa đề cập. Tức là tình cảm thì đi thẳng vào văn chương còn lý trí biến thành xúc động rồi mới vào văn chương hay là được văn chương nắm lấy như là những xúc động thì cũng thế. Hãy trả những tư tưởng khô khan về cho góc gách chuyên môn của triết gia, chính trị gia... và hãy giữ riêng những xúc động cho văn chương !

Một chân lý cũ mèm vẫn cứ bị lãng quên : người ta sáng tạo là bằng tiềm thức, không bằng ý thức người ta làm văn chương chứ không lý luận trong văn chương; người ta lên án luận lý ở trong thi ca... Trong một bài thi luận đăng trong VĂN HẠNH số xuân vừa qua, tôi có nhắc nhở đến một kinh nghiệm thi ca nơi thi nghiệp của Nguyễn công Trứ : thi ca nhập thể thành đạo (thi ca giảng huấn) của ông thua sút hẳn thi ca xuất thế cầu nhân (thi ca tình cảm). May thay, ông tránh được phần nào cái lỗi lầm đem tư tưởng quá nhiều vào trong văn chương bằng cách quay vào nội tâm của chính mình để miêu tả những xúc động của con người thẩm nhuần triết lý hành động hơn là trình bày thẳng những tư tưởng hành động đó.

Cũng bởi sự phân chia viễn tượng như trên, một tác giả chỉ đứng trong quan điểm văn chương không thôi, đã không phản-bội tư-cách của mình nếu đã nhìn triết-học,

chính-trị... một cách chủ quan qua những xúc động mà thực hiện một lý thuyết triết học, chính trị đã thực-sự ra trong đời, trong công-chúng rộng lớn. Đứng ở khía cạnh chuyên môn của triết học hay chính trị... người ta có cười cái dốt hoặc lên án sự xuyên tạc của một nhà chương, nhưng như thế là người ta nhăm gót cạnh. Triết học sử cho ta thấy rằng các tác phẩm văn chương đã nhận định Nho giáo như là chủ trương nhập thế hay đạo, Lão giáo như là xuất thế hướng nhàn, Phật giáo như là bi quan yếm thế, học thuyết Epicure như là chủ trương ăn chơi, hiện sinh như là ngợi ca thân xác.

Văn chương hiểu theo nghĩa nghiêm chỉnh nhất là « quyền và dụng » của mọi người có ngôn ngữ (chức năng văn chương bình dân), nhưng triết học hay chính trị hiểu theo nghĩa chuyên môn lại thu hẹp và quyền hạn của một số ít người.

2.— Trình bày như trên thì văn chương là một hình thức, một nghệ thuật xử dụng ngôn ngữ để diễn tả những xúc động của con người phổ quát trong vũ trụ, nhân sinh

Nói tới văn chương là nói tới sự thanh tú, tế nhị, sự lịch sự, sự duyên dáng. Tất nhiên chẳng ai lầm rằng đó là nói về cái cung cách của văn chương với khả năng muôn mặt của ngôn ngữ. Và cung cách nghệ-thuật tài-tình đó cũng có thể áp dụng vào những xúc động mãnh liệt, tàn bạo nhất. Tây phương hằng nhắc nhở tinh thần tao nhã của văn chương (esprit de finesse) và phản ứng chống những người muốn thuyết lý đạo đức trắng trợn đến độ bất chấp cả văn chương. «Thì hãy viết sách đạo đức đi». Đông phương tuy khó phân nhiệm rõ ràng giữa nhà văn chương và nhà triết

học xong cũng vẫn miêu tả cái «đẹp» của văn chương với những quang cảnh phức tạp, đổi thay của vũ trụ : trăng sáng, sao băng, mây vờn, gió thoảng, mưa sa, sương rơi, tuyết đóng... Thế rồi, khái niệm hóa điều đó, Nho giáo còn hướng văn chương theo cái đạo «thành» của vũ trụ.

Cho nên căn cứ vào hiện trạng của văn chương, những tác phẩm thành công quá hiếm hoi, ta phải đòi cho văn chương được thoát ly khỏi sự giám hộ của triết học hay chính trị. Ta đã nói triết học hay chính trị chỉ là chất liệu thô sơ cho nhà văn chương mà thôi. Nói như thế ta không quên rằng trong đối tượng của văn học đã có một thành phần chuyên môn dành cho triết học hay chính trị cũng như cho tôn giáo và khoa học, và ta cũng không tước đoạt cái quyền làm triết học hay chính trị của nhà văn chương. Biết tới cái quyền làm văn chương của mỗi người, biết tới cái thế lực của văn chương trong quốc dân, biết tới cái phạm trù riêng cần thiết của văn chương, ta chỉ đòi rằng làm triết học hay chính trị bằng văn chương thì phải «văn chương» mà thôi. Là xúc động thể nhân diễn tả một cách có nghệ thuật bằng ngôn ngữ văn-chương có cơ-hội để trường-tồn hơn một triết thuyết. Tôi nhớ một nhà văn học Pháp có nói đại để rằng : Trong các thời đại của đời thay nhanh chóng này trong vòng một phút giây một lý thuyết om sòm nhất đã nằm xuống không kèn không trống, nếu có một cái gì tồn-tại được thì đó là những trang văn-chương thật-thà nhân-sự.

Vấn đề phê bình cũng rộng lớn như vấn đề văn-chương. Ở đây, ta chỉ nhắc cái phạm-trù văn-chương vừa xác-định nhất là trong mối tương-quan giữa văn-chương triết-học, và chính trị mà phác-họa một đường hướng tổng-quát

một vài điều-kiện thiết-yếu của một thứ phê-bình văn-đúng-đắn, chính đáng. Ta đã thừa biết văn-chương là một hiện-tượng ngôn-ngữ, rằng chương không thể tách rời khỏi ngôn-răng phê bình văn chương còn phải hướng dẫn : đọc, phải tìm lại những dấu-vết ý-thức hay không một tác-phẩm. Khoa phê-bình văn-học như vậy người ta phải vượt lên những tranh chấp môn phi được công bằng, buộc người ta phải có một nền bá-tạm-đủ với ngôn-ngữ-học, lịch-sử văn-học, lý-thuyết-thơ, thẩm-mỹ-học, các bộ-môn nghệ-thuật khác, tâm lý xã hội học sau cùng nhà phê bình văn học cũng cần có nhiều kinh-nghiệm đọc văn để được tế-nhị và thái.

1. — Trình bày như trên thì phê bình văn học là xem một tác giả, một tác phẩm đã đi trên con đường và mang lại được gì cho văn chương xúc động, ngôn nghệ thuật của con người.

Ở đây ta không cực đoan mà phải bằng nội dung đã giải quyết nội dung bằng những xúc-động văn-chơ. Thực ra, ta cũng không thể nào quan niệm một thức hoàn toàn trống rỗng trong văn chương được công việc phân biệt nội dung và hình thức cũng một phân biệt tạm bợ, giả tạo do sự đòi hỏi của một cuộc lập luận hay của một công cuộc phân tích. Ta phải chấp nhận phần hữu lý của nhận định « nghệ là một và bất phân », cũng như của khoa tâm lý hình (Gestalt psychologie) áp dụng vào sân khấu.

Đến đây đặt ra một vấn đề mà ta hãy giải quyết cách tổng quát : vấn đề thước đo giá trị của một

phẩm văn chương. Về nội dung, xét giá trị của một xúc-động văn chương ta phải đứng ở quan điểm nhân bản tổng-quát mà tìm hiểu và phê phán với một đầu óc thông cảm, lấy luôn tình yêu làm một đường lối nhận thức. Về hình thức, ta phải biết tới những quy luật của ngôn ngữ, những phép tắc của văn thơ, những quy phạm văn chương đã có. Về cả hai phương diện nội dung và hình thức, ta phải nhờ vả khoa thẩm mỹ văn chương trong đó vấn đề thị hiếu chiếm giữ địa vị quan trọng. Và cũng chính là cái thị hiếu này, yếu tố đổi thay theo xúc động của nhân loại qua không gian và thời gian, mà thành ra vấn đề những giá trị văn chương nhất thời và những giá trị văn chương trường cửu. Nếu có những xúc-động và những cái đẹp của một nơi, một thời, thì cũng có những xúc động và những cái đẹp của nhân loại muôn thuở.

2. — Trình bày như trên thì phê bình văn học phải chối bỏ cái võ đoán cái chủ-quan của nhà phê bình, và cũng như văn chương, phải thoát ly khỏi sự chi phối của Triết Học và Chính Trị.

Ta thử tưởng tượng hợp sau đây xem có còn là phê bình văn học hay không: Hình thức nghệ thuật không cần xét tới hay chỉ xét sau ; đắm-thân vào một lập-trường tư-tưởng và chính-trị một lần cho chót ; lấy lập trường đó làm một cái sàng lưới, một thứ hệ thống thấu kính để nhìn, chụp lên trên tác phẩm văn chương của kẻ khác để rồi nếu thấy tư-tưởng của tác phẩm hợp với lập trường của mình thì khen là hay, là tiến bộ mà không hợp thì chê là dở, là phản động.

Không văn chương chỉ có nhân đạo hay không nhân đạo (nhân đạo trong cái tốt cũng như những cái xấu của

con người thực sự) chỉ có hay hay dở trong cái thuyết của nó mà thôi. Phần tư tưởng của văn chương để cho các triết gia chính trị gia phê bình.

Thí dụ cực đoan sau đây cho ta một nét quan trọng trong viễn tượng của văn chương: cho trước một tư tưởng một xúc động mà không phải phê bình là nó đúng hay đạo-đức hay không đạo-đức v.v... hãy tìm một hình thức văn chương nào, một cung cách diễn đạt nào thành công nhất, thì đó chính là công-tác của nhà văn-chương.

Trở lại một điểm đã lược trình ở trên. Văn chương bất luận nơi nào thời nào rồi cũng hướng vào hay thành những kiểu mẫu, những điển hình về nội dung cũng như về hình thức mà ta phải gọi là cổ điển của thời. Đến khi cái thể cổ điển tiêu biểu đã đạt được trong một khoảng thời gian nào đó thì, xúc động đổi thay, tác giả lại tìm cách phá bỏ cái thể quân bình cổ điển đó đi, tạo nên những xung đột biện chứng để tiến tới một thể quân bình mới khác. Cứ thế, mãi mãi... Và trên sự đổi thay triền miên đó vẫn có một cái phần nào bất biến và rất có thể ta gặp lại một vài trạng thái cũ.

Bởi điều trình bày trên, nhà văn học không thể không làm các công tác xác định những giá trị tiêu-biểu nhất thời cũng như trường cửu và công tác này cũng lại phải được đổi mới luôn luôn theo thời đại để cho được mức cân, không những để khám phá cái cổ điển nhất thời, mà còn tìm ra cái tiêu biểu mọi thời nếu cần. Người ta sẽ tới sự thử thách của thời gian là thế.

Phải khôi phục lại cái phạm trù đạo-thù của văn chương, phải thanh lọc phê bình, để cho hai khoa vượt lên trên những đam-mê, những sôi-động hẹp-hòi nhất thời, nhiên hậu dìm-dắt nhau mà tiến lên.

Không ai cấm ta lấy văn chương để làm triết học hay chính trị. Nhưng ngược lại, thì ta lại không được lấy triết học hay chính trị để mà phê-phán văn-chương.

Văn chương làm triết học cao, chính-trị thành hay bại cốt yếu là tại nó. Triết học hay, chính trị đúng mà không có văn chương thì cũng gục ngã.

NGUYỄN SỸ TẾ

trang của họa sĩ tuyệt

VÀI CÁI TÔI CỦA CÁC
VĂN NGHỆ SĨ THỜI ĐẠI



tiếng nói một người

THANH TÂM TUYỀN

1

Sự thật không bao giờ là sự thật khách-quan. Nhớ lấy những kinh nghiệm thường ngày : cứ một điều việc kẻ này nói, làm được, kẻ khác là thì chối tai chướng mắt. Chỉ có sự giả trá hư ngụy mới đối lối khách-quan, sự thật xuất hiện từ con người và sức mạnh làm kẻ khác chấp nhận là của người đã dám phát hiện ra nó. Và trong sự mong manh yếu hèn của kiếp người, nhiều kẻ đã phải mang sự tự tử tối hậu duy nhất của một đời là cái chết để bảo đảm cho sự thật của đời mình được thành sự thật với những người khác.

Thơ là tiếng thồn thức của con tim, đó là một sự thật tôi tìm thấy lại qua TRẦN-LÊ-NGUYỄN. Suốt tập thơ, Nguyễn chỉ nói về mình, nói rất nhiều về mình, nói quá nhiều về mình bằng thứ ngôn ngữ xó-bỏ, đôi lúc rối loạn, lảm nhảm, buồn cười. Và cả tim Nguyễn phơi bày nguyên hình đáng, một khi thật bày nhầy bóp vào nở ra bất tận. Đó là hình ảnh của đời sống ?

Tiếng nói một người hay tiếng nói một đời một kiếp ?

2

Trước hết thơ là một nỗ lực tinh khiết hóa thực tại. Các nhà thơ cổ điển đã làm công việc này. Bọn lãng mạn làm tinh khiết hóa thực tại với ruộng bỏ thực tại, dùng nước mắt, tiếng rên la, sự xúc cảm nhầy nhụa làm vẩn đục thực tại, rồi trốn chạy vào ảo tưởng. Thơ ngày nay cũng là một nỗ lực tinh khiết hóa thực tại từ khởi điểm làm hiện hình nó, cái hình dáng thô sơ đã bị bọn lãng mạn mai nhãn bằng nước mắt nước mũi.

Thơ Nguyễn là cái ánh sáng lộ liễu khó khăn chiếu vào thực tại, sự vật nổi lên còn đủ những góc cạnh sắc sù.

Mỗi lần tôi mượn tiền bạn bè là mấy thằng chó chết chưa hề có con, cười hô hố bảo là tôi lại sắp phịa chuyện đến nhà hương thăm con mới đẻ.

Nếu anh hiểu được rằng người ta vẫn có thể mộng tỉnh thức chẳng cần phải tìm tới giấc ngủ hơn mà anh sẽ nhận ra Nguyễn đang làm thơ.

Đêm cưới em, anh sẽ không ghé câu lạc bộ mà vào Snack Bar uống rượu, thật say (đĩ nhiên bằng tiền đánh bạc chứ không phải tiền viết văn)

rồi không ghé đăng-xinh (dù biết rằng sắp bị đóng cửa) mà đi ngược về đường Duy-Tân (một nhà vua cách mạng) hay dọc theo đại lộ Hai-Bà-Trung (ba anh hùng dân tộc) tìm gặp một em lính Pháp ra đi còn để lại

Để suy ngẫm về cõi đời
và mừng em lấy chồng Mỹ

Cái thế-giới của thơ Nguyễn là thực tế hàng ngày chúng ta đang sống, quay cuồng, hỗn độn, khát vọng. Tại sao cứ đòi hư vô để mơ mộng? Bỏ thơ mơ mộng như Nguyễn xem sẽ thấy sự kỳ lạ của thế giới ấy.

Và thơ là gì? Nếu không phải là sự khám phá mẫu nhiệm bằng ngôn ngữ một thế giới vẫn tồn tại ở quanh. Sự phơi mở ở thơ cho anh cảm giác tràn đầy hạnh phúc, tâm hồn đã nhập được phần của sự sống bị ẩn còn thiếu sót. Những phần sâu dài như một đời.

3

Tiếng nói một người là tiếng nói của tình yêu + tình bằng hữu. Trong cổ đơn và đêm tối.

4

Người sắp nói là một người bốn mươi tuổi. Người ta thường làm thơ vào những năm hai mươi. Vào tuổi ấy Nguyễn còn muốn viết tiểu-thuyết, kịch. Hắn chỉ thấy cần làm thơ trong vài năm gần đây.

Việc làm thơ của Nguyễn chứng nhận lời tri tri của Lautréamont: Thơ không phải để một người làm mà để mọi người làm. Thơ là sự giải phóng, tự-do, là quyền của mọi người, không bao giờ đặc quyền của một bọn thi-sĩ đầu bù tóc rối trí tuệ tượng như con gián bay quanh đèn, sự cảm xúc và tiếng động của thùng thiếc.

5

Thơ Nguyễn kẻ lẽ ăn ào nhưng vẫn nghe đâu sự nín lặng trong cùng.

Hạt nhân nín lặng, khép kín làm mỗi bài thơ tự đầy đủ, phân biệt thơ Nguyễn với thơ Prévert. Hai bên chỉ giống nhau ở điểm tưởng tượng, mơ mộng cùng thực tại. Còn Prévert đòi hỏi những đối tượng ở ngoài để phóng tới.

6

Một người sống đến bốn mươi tuổi không làm thơ để mong thành thi sĩ. Thi sĩ! Thi sĩ! Thành người đó đã tự sát. Tên của chàng bị cướp bị bôi nhọ. Ngày nay còn toàn một bọn nhái giọng người chết. Mấy tên thư lại luồn cúi nịnh hót cũng là thi sĩ. Mấy tên cán bộ làm thơ như những bản thỉnh nguyện xin tha mạng sống, xin thêm quyền lợi. Mấy tên thanh niên hiến thân làm lấm gổm trong khuê phòng.

Nếu anh đọc thơ Nguyễn, anh nghĩ Nguyễn không phải là thi sĩ, anh nghĩ đúng. Nhưng coi chừng, anh đã bị đầu độc bởi bọn giả danh. Tôi nhắc lại: Thi sĩ đã tự sát. Và anh cũng như Nguyễn cũng như tôi được thừa hưởng cái gia sản của chàng cùng với mọi người, trừ bọn tự nhận là con cháu chàng. Chúng ta phải cướp lại tiếng nói sắp muốn tắt; mỗi người đều được quyền làm thơ như Nguyễn, như làm một hành động giải phóng. Đừng để bọn người nào độc chiếm thơ làm phương tiện áp bức.

Một ngày thi sĩ sẽ hồi sinh. Chưa phải bây giờ. Nhưng hãy thổi những hơi thở mới vào mũi chàng, đuổi bớt những uế khí, ám khí, tử khí, đang ướp quanh chàng.

7

Tiếng nói của Nguyễn chỉ là tiếng nói một người
Một người hèn mọn như loài run dế.

Nhưng Nguyễn, như anh, biết rằng một người
không có nghĩa là một. Nói một người là nói tới
đồng. Mai kia hẳn chết đi, cái chết bất cứ trường hợp
nào cũng chỉ là sự lịm tắt của một khát vọng,
chết theo người yêu một đời của hẳn, những bạn
gần gũi, những mộng ước đau đớn, tuyệt vọng, ngổn
là một phần thể giới.

Đọc mà xem, anh sẽ thấy hẳn phải nói trong
đơn để được gần anh.

8

Mỗi bài thơ của Nguyễn là một nỗi đầy cô đơn.
Nếu tôi nói hẳn sống rất vui trong cô đơn, anh
cười tôi. Bởi anh đã khổ vì cô đơn.

Thực ra tôi phải nói là hẳn bằng lòng trong
đơn, vì nơi đó hẳn được sống với anh, trong cái thế
giới lạnh lẽo đáng sợ, hẳn được chia sẻ với những
người, những người không được gặp nhau. Như hẳn
và người yêu của hẳn :

Anh đã yêu cùng cực
đến không còn em

Anh ôm thật chặt khoảng trống căn nhà
hoang

như thấy em cả đời trọn vẹn
nửa đêm nào thức giấc

Như hẳn và một người bạn nào :

Và những đêm nhìn trăng sao

dưới mái hiên nhà giấy thép tôi nói với anh
về trời đất về ước vọng hai đứa mình ở đời

9

Đây là tiếng nói của một người nối kết những cô đơn.

10

Nửa đêm những người yêu nhau nhảy slow
Kể hát «pip» đi một mình bờ đại lộ
vì không ai yêu mình
hay mình không yêu ai
ngâm sâu như hôn người đàn bà một đời
Không phải, Nguyễn yêu nhiều người quá
và nghĩ nhiều người đang yêu hẳn.

11

...hẳn thăm thì, hẳn hẳn, khó nhọc soi sáng những
sự thật thăm kín ấy, những sự thật người ta chỉ có thể
diễn tả nỗi với cố gắng vô biên — những sự thật hết
sức tối tăm, hết sức gian nan — nhưng chính với
những sự thật ấy, thế giới phải thay đổi toàn diện,
một lần cho xong.

Virginia Woolf

12

Một sự thật nữa, Hẳn đã sống.

Rất có thể ở ngoài đời hẳn đã sống giả như chúng
ta vậy. Lý do giản dị : cái giả hiện ra trong sự vận

động mãi miết của sự vật vượt qua mình, hôm nay
chối hôm qua, và mình vẫn thích ứng tồn tại
không hề có gì xảy ra, tấn thảm kịch biến thành
kịch. Chúng ta nhìn nhận mọi cảnh ngộ bằng
mắt chấp nhận tự nhiên, nổi bất bình chìm sâu ở
thân bị nghiền nát không còn. Khi Nguyễn làm
(và nếu anh cũng làm thơ) Nguyễn phát hiện sự
thực.

Và khi đã sống thực người ta sẽ không hài lòng
một chút nào trước cảnh ngộ.

13

PHƯƠNG,

Tập thơ này Nguyễn viết cho em. Em là người
yêu của anh.

Bài mở này anh viết hộ em. Anh viết những điều
em biết về anh nhưng không thể diễn đạt
thành lời. Và em sợ nên em xa anh.

Thôi cũng xong. Để cho anh làm thơ.

13 và 14 tháng 8 năm 1944

THANH TÂM TUYÊN

thơ trần lê nguyên

(trích trong tiếng nói một người)

phương

Anh yêu em không ngủ đêm nay
Từ có em
người đàn bà một đêm trở nên vô nghĩa
Hành động của yêu
qua không gian tiếp nối thời gian
như hơi thở có ngưng không bao giờ dứt
phút sống ngập đầy
ý nghĩa lừa dối tìm thấy
khi em không còn trong tay
Anh đã yêu cùng cực
đến không còn em
sống với màu xanh quá khứ
sương sớm nắng chiều
bông hoa nở giữa hai ngành héo buổi em đi

hơi thở nghẹn ngào
mi khép ứa giòng nước mắt
Anh ôm thật chặt khoảng trống căn nhà hoang
như thấy em cả đời trọn vẹn
nửa đêm nào thức giấc

Anh chẳng bao giờ có em
chỉ có bốn mắt nhìn nhau một chiều súng đạn
Em có nhớ ra anh
Anh có nhớ ra em
Đường vắng không một bóng dèa
một ngã ba hoang vắng
Anh chẳng bao giờ có em
chỉ có một đêm chớm lạnh
mưa trên sông
nghe tiếng thở dài của kẻ chung đôi
cùng tiếng thở dài của người cô độc
Anh chẳng có em nụ cười
chỉ có em nước mắt
Anh muốn giết em để đừng thấy lệ em rơi
để đừng bao giờ em bỏ đi
để đừng bao giờ em tìm tới

Tiếng em kêu thất thanh đêm nào
anh nghe chính lời anh hấp hối
Tại sao anh yêu em
Tại sao em yêu anh
Tình yêu rất biếm một con đường xanh
rất nhiều những con đường lộn
Em có nhớ những chiều ngoại ô

buổi sáng ngồi xe thồ mộ
tiệm nước bên giấy quan tài
hàng cây trong nghĩa địa
Anh nhớ em gục vào vai anh ướt
nước mắt mặn của môi
chua chua miếng thơm em đem qua nhà giữa trưa
rất nắng
Có một hôm anh khen em đẹp
người ta sung sướng nép đầu vào ngực tôi
Em ơi em ơi em ơi em ơi
anh yêu em không thể nào ngủ được.

1957

ám ảnh

Tôi làm bài thơ dẫn đi
đến không còn thơ
để gửi anh nhớ ngày gặp gỡ

Trận đói bốn mươi lăm
đồng quê hết gạo chạy về thành phố
Từng đoàn rữ trên đường
chết không kịp chôn
đồ chung một hố
Đàn quạ đen tím cả hoàng hôn
Chỉ cướp cơm em
Mẹ bịt mũi con cho hết bú
Những chiếc xe bò người kéo đầy thây
bao chiều cửa ô lớp lớp đợi đầy
Tôi làm bài thơ bầm vết máu
những người Nhật trời đầy nắng tháng năm
Tôi đi cùng anh
buổi chiều vĩ đại
Hà Nội băm sáu phố phường
tung năm cửa ô
Cách Mạng mùa thu Tháng Tám
Đêm kịch nhà hát lớn
tôi đọc thơ cho anh bẻ song tù
sáng mai về quê thấy không còn bố
— Thầy tôi ai bắt
— Cách mạng cần có trại giam
Giọng anh lạnh
Mặt anh đanh
Tôi lặng người cay đắng

Nước sông Hồng thời đỏ phù sa
nước sông Hồng đỏ màu chiến khu Phú Thọ
anh không dùng đạn
lưỡi lê
trời sông
Máu anh Việt-Quốc hòa nước sông Hồng
Tôi thời làm kịch
son hậu trường như máu tanh tanh
tôi đi giết giặc để quên thấy anh

Tôi vào Quảng-Ngãi nghe tiếng mõ khuya
thấy rợn hồn trẻ thơ chết chưa kịp đẻ
Diệt mầm phản động mai sau
mã tấu
anh chém cả con lẫn mẹ
Sóng gào bãi biển Tam Quan
dừa xanh hoang tàn thánh thất
một xóm Cao Đài cùng khóc
cha
chồng
anh
con
chết một ngày
một giờ
anh chôn sống chung một hố

Ba lô tháng năm kháng chiến
tôi đi trên những nẻo cùng
lạc loài làm tên phi đảng
mấy lần biên giới qua sông
Tôi vô tới mũi Cà.Mâu

nghe các anh dân chủ
thời Nguyễn-Bình
xác nhận lòng kinh
nghe các anh Đệ Tứ
xương bóng rừng cao su mông mênh

Tôi muốn viết cho anh
bài thơ không bằng chữ máu
tôi muốn viết cho anh
bằng những tâm tình
tôi muốn viết cho anh
như thua ban đầu chiến đấu

Tôi lại tìm về sân khấu
có đêm khi bức màn buông
tiếng gõ ba hồi xuống ván
nghe như vỗ đập áo quan

1957

khi yêu em

của O.T.

Tôi bán què hương lúc con một nửa
Người đàn bà Việt Nam đuổi tôi khỏi tròng mắt
của đôi mắt bồ câu
đôi mắt dao cau
Đục màu hạt dẻ
hay xanh chân trời xa
là đôi mắt xứ người chân tình nên phản bội
tôi gặp Berlin
Paris ở thủ đô tôi

thủ đô thiếu một Hồ Gươm lịch sử
một thư viện trên đường Trường Thi
Như em không què hương
lấy kinh thành người làm kinh thành mình
ra đời ở Trung Âu
cư ngụ bên hồ Leman trời Thụy Sĩ

Tôi đọc người «Nga-La-Tur»
thấy nàng thiếu nữ
khi chết cho chiến thắng
hồn anh chiến hữu gửi lại người yêu
Và người nữ chiến sĩ «Thông Hành Giả»
không nhận thư tình
bàn tay run run mở tung nút áo
Vết sẹo hành hình in ngực
—bàn tay kéo cao cổ áo đi mưa anh đồng chí một
đêm sương mù

Thần tượng ấy giết người yêu bé nhỏ
đau bệnh lao què tôi miền Bắc
Lá thư cuối một hồn người
tôi không được đọc chỉ nghe kể lại
ngày cách mạng thành công

Cách mạng đưa con người tới đâu
Chỉ biết anh gặp em không hề chờ đợi
Anh nghe nàng tiên hát bài hát tiếng Nga
có tuyết có gác chuông
buồn chia cách khi vừa gặp gỡ
Anh yêu gió tung mái tóc
để tay anh lùa trong tóc em
Anh thù bóng đêm che sâu màu mắt
chỉ thấy hư ảo một màu nhớ nhung

Hư ảo như tay em trong tay anh
 như tình chúng ta
 của thời đại không còn được yêu được chết
 của thời đại chỉ gặp nhau xa nhau
 Nên em chỉ cho anh một nửa bàn tay
 Nên anh không dám hôn môi em
 như sợ truyền nhiễm bệnh lao
 dù anh chưa hề hôn một lần
 người yêu chờ chết bệnh lao miền Bắc
 Anh cảm ơn sự tàn bạo cho chúng ta gặp nhau
 Anh cảm ơn em cho anh sống lại tuổi hai mươi
 có một lần trong đời
 anh quên sống chạy theo cách mạng
 đi bắt bóng những dáng hình
 bỏ quên người yêu chết mười sáu tuổi
 không một cành hoa trắng cắm lên mồ
 Những trận mưa bom đồng minh trên quê hương

Những tờ truyền đơn rơi trên lòng đồng bào
 cảm

Em cho anh sống những gì anh chưa sống
 không thể thiếu trong một đời người
 Anh không muốn nghĩ đây là lý tưởng em đi

dù có một ngày nào nở hoa
 Anh sống với hình ảnh em
 Nhìn nghiêng lạnh và buồn như tượng
 Với giọng em hát nhỏ khi không đành nói lời
 Với căn phòng lầu quán cô đơn
 Với chiếc ban-công từng lâu ba dưới bóng
 thụ phố Sài
 giống như dưới bóng cây hạt dẻ thành Prague

chiếc ban-công em gác xuống tay ôm mặt phủ
 không đành khóc
 Và tiếng cửa cầu thang máy đóng lại gần sáng một
 đêm nào

Em buồn ra riết trước ngày em đi
 và bảo anh nói quá một lần sự thật
 Em trách anh đến với em quá mau
 Anh biết làm sao
 khi không thể níu thời gian ngừng lại
 Vì anh gặp em như tự bao giờ
 qua năm tháng dài đấu tranh
 người nữ cán bộ cô đơn cười vui chiến đấu
 Vì em đến và em đi
 Anh muốn Việt-Nam đón em với tất cả ân tình
 Người ta không sống cùng tài liệu mà bằng kỷ niệm

Em đi chấm cuối hàng người trên sân bay
 Bao lơ phi cảng một mình anh đứng lặng
 Hai đứa cùng dơ tay
 Bàn tay dơ lần thứ nhất — lần đầu tiên — ở cửa
 lầu quán Saigon
 Bàn tay dơ lần thứ hai — lần cuối cùng — ở trường
 bay Tân Sơn Nhất

Áo em hồng đẹp nhất
 Mắt em buồn đẹp nhất những người ra đi
 Con chim hiếm bay
 Buổi sáng không vui như chiều đã đến

Em hiện ở góc trời nào
 không một chữ
 một tấm hình bưu thiếp
 Tôi không muốn nghĩ
 Em đi tìm lý tưởng đã đắm lên hoa cỏ bên đù
 Tôi muốn nghĩ
 em sẽ là người đàn bà hiền hậu
 có chồng có con
 một đứa con gái hai đứa con trai
 như em hằng mơ ước
 Tôi đào ngũ khỏi lòng dân tộc một ngày nào
 Biết rồi sẽ nhớ đôi mắt bồ câu
 đôi mắt dao cau
 Tôi gởi hình ảnh người đàn bà Việt Nam làm
 lý lên đi
 Tôi sẽ không bao giờ tìm em
 như bây giờ không viết một giòng thư
 chỉ làm bài thơ giấy giáp
 Hai đứa yêu nhau rất nhiều để không quên
 để thôi nhớ làm lịch sử

Có con hươu trắng vừa đậu trên tóc em
 Có bông hoa trắng mới nở trên mồm người yêu
 mười sáu

Có cách mạng nào thành công
 Có tình yêu nào tan vỡ

7-59

saigon mưa

Để giầy tôi lũng hai bên
 Những chiều Saigon mùa mưa như chiều nay
 tôi đi bằng gót qua nhiều lễ đường đọng nước
 Đĩa nhạc quay tròn quay tròn
 Âm thanh nổi
 Tờ báo buổi chiều loan tin chiến sự xứ Lào

Mưa lại rơi
 như tháng bảy mưa rơi ngoài Bắc
 Hà-Nội không còn
 Sáng qua tôi gặp cô gái Hàng Ngang
 Ngoài kia đâu còn Hà-Nội
 Có những người chết đi
 mất xác bên cầu Kiệu
 con đường hành quân thua trước vắt qua Đốc Mỏ
 gặp mộ người nữ cứu thương
 «Thái-mortier» Tây bắn ở Tuy-Hòa chết không hay
 đâu còn Hà-Nội

Tôi trú mưa đầu phố
 Giầy tôi vào nước từ lâu
 Gió tạt quán rượu góc đường Charner thua trước
 Ly rượu anh thủy thủ trên đất liền
 Người đàn bà Pháp chờ Taxi có độc
 Không là đây Paris
 Sao tin chiến sự Vientiane làm nhớ thương Hà-Nội
 Sao Hà-Nội nhắc những người chết đi
 Tôi đi nhận lá thư không đến chiều nay
 sao lại gặp Saigon mưa như tháng bảy trời mưa xứ
 Bắc

59

đất nước tôi tình duyên tôi

của V.L.

Đường Tự-Do mọc lên nhiều Snack-Bar
Một chiếc chen thêm vào bên chỗ trú chân của
những nhà văn hóa văn nghệ xứ mình

Giữa hiện trạng ấy anh nghe tin em lấy chồng
Một đồng đô-la giá chợ đen ăn chín mười đồ
Việt-N

Anh ước mong em lấy chồng Mỹ vì tình
một chuyện tình như phim Mỹ chúng ta thườ

một chiến sĩ (cấp tá) bỏ vợ vì cuộc chiến tranh Ca

gặp người con gái Hàng Đào di cư mang tật nguy
máy bay Tây hồi g

em bỏ vợ sau bao cuộc tình duyên
như người đàn ông ngoại quốc cô độc xứ ngu
sau một đoạn

một tình duyên rất cha con
một hôn nhân rất anh em

Anh vui và buồn cùng em như của chính anh
Khi bỏ nghề viết kịch (đánh máy hai mươi tra
rưỡi diễn đúng bốn mươi lăm phút hai tháng
được 300\$ bản quyền tác giả) để đi đánh bạc qu

anh đã vừa viết, vừa đóng vừa đạo diễn cuốn
phim Riz amer
Kịch tác gia giải thưởng văn chương toàn quốc của
em như vậy đào đâu ra tiền cưới vợ nuôi con
chưa kể về mặt tinh thần
có xứng đáng với em một người con gái muốn
thấy đời cao đẹp

Cho nên anh mừng hay tin em lấy chồng
lấy chồng trống trơn
vì anh nghĩ đây là một chuyện khác biệt
hoàn toàn tự do
hoàn toàn bình đẳng
không phải vấn đề đồng đô-la U.S. bên cạnh đồng
bạc V.N.

em lấy chồng có cưới xin theo nghi lễ xứ mình
xóa được vết đen mọi *kỹ nghệ, thời xưa
viết được một chuyện tình quốc tế

Đêm cưới em anh sẽ không ghé câu lạc bộ mà vào
Snack-Bar uống rượu thật say
(dĩ nhiên bằng tiền đánh bạc không phải tiền viết
văn)

rồi không ghé đăng-xinh (dù biết rằng sắp bị đóng
cửa) mà đi ngược về đường Duy-Tân (một nhà vua
Cách-Mạng) hay dọc theo đại lộ Hai Bà Trưng
(hai nữ anh hùng dân tộc) tìm gặp một *me* linh
Pháp ra đi còn để lại

để suy ngẫm về cõi đời
và mừng em lấy chồng Mỹ
để anh còn được là đàn ông của nước Việt Nam
nay có đàn bà lấy chồng khác nước.

đá đi còn đi

cho CUN G

Đã đi chân không thừa mười sáu vào đời
trong lò than đá mỏ Vàng-Danh
ánh đèn đất ma chơi soi đường hầm địa ngục
Tình anh thợ mỏ yêu chị Nhà Sàng
thân thiết những gòong than
từ một lò đang phá
kéo ra Uông-Bí ra «bo» Rơ-Đông
xuống những con tàu đại dương ăn than
dọc theo mạn Đông-Triều Hồng-Gai Cẩm-Phả
Còn thấy hố mắt không hồn buổi tan tầm
Mỗi lần xấp lò bao xác chết đen thui
chôn một đời min mỏ

Tôi nhớ Vàng-Danh linh hồn bé nhỏ
nhớ thằng bạn đeo min
những đường «tớ» cực nhọc
tiếng còi tầm xé ruột
ngọn roi song xua thợ đi làm
đá cắt gan bàn chân lạnh buốt

Hai mươi mấy năm rồi tuổi trẻ vui tin
nguyên vẹn tờ truyền đơn đòi cơm áo
Hai mươi mấy năm rồi
tôi đã đi thêm đoạn đường kháng chiến
với dép vỏ xe hơi Bình-Trị-Thiên
tôi đã đi thêm đoạn đường đi cư

với đôi giày đế lủng

Tôi thắm một chiều nay nhớ anh người bạn đeo
min thừa nhỏ

Anh còn sống hay đã chết

được thấy đời chưa

đền đất anh dùng có bao lưới thép phòng ghi-du
khỏi nổ

còn có nạn ngập lò

Muốn gì đi nằm cơm anh ăn vẫn toàn than bụi

vẫn toàn mồ hôi

mồ hôi của thợ mỏ hay của anh hùng công nhân
cũng vẫn chỉ là mồ hôi

nhiều chất mặn.

Như tôi vẫn còn phải đi

gọi là đi tìm tự do

tôi hiểu nghĩa hai tiếng ấy trong xà-lim hẹp

qua những ngày thiếu ăn

những lần trốn tiền nhà chủ phố

và thắm một vẫn còn phải đi

để chạy những thiên đàng đóng hộp

Tôi nhớ ngày đầu đi mỏ

lủ loong-toong Tây ức hiếp cướp mất tích-kê

anh đưa tôi ra chợ ăn cơm cối áo thay tiền trả

và những đêm nhìn trăng sao

dưới mái hiên nhà giấy thép tôi nói với anh về
trời đất

về ước vọng hai đứa mình ở đời.

Có bao giờ không nhỉ
con anh và con tôi
chúng sẽ gặp nhau tình cờ như chúng ta đã
ở bến Sáu Kho
ở trường Đại Học Saigon
hay ở một quê hương nào khác nữa.

14-7-57

khuôn mặt

Không thấy nổi khuôn mặt người yêu
buổi chiều bệnh cái chết kéo về khoảng trời
ấu thơ

Em hư ảo trắng mùa hạ cũ
em còn không em
chiếc áo hở tay bầy đóm đóm hoa dạ lai hươ
em còn không em
đôi má hồng người bệnh mùa xuân
em còn không em
bông hoa không nở trên mồ con gái chết mười

Không thấy nổi khuôn mặt bạn bè
buổi sáng gục bên đường đói khát
mặt trời hết bình minh
Chúng mày ở nơi đâu
cuộc sống mang đầy ung nhọt
một đũa gục xuống súng chữa rời tay
một đũa bước lên miệng còn thơm sữa
Bây giờ mùa xuân không còn
từng đưa lui vào dĩ vãng
chị ngã bên đường xác em nằm đây
mầy vội chết đi, mặc tao còn sống
Khi mặt trời chỉ là nắng cháy
kẻ bại trận đi một mình
bàn tay ngửa xin một hơi nước lạnh

Không thấy nổi khuôn mặt mình
một lần sống sót
những ngày không người yêu bạn bè
khuôn mặt ban đêm tiếng kèn già nua thảm thiết
tìm lại quê hương đã mất
chiều lập đông vườn cải hoa vàng
bóng mẹ già phơi áo
khuôn mặt vỡ tan từng mảnh vụn
như bàn tay mở lựu đạn
liệng ngay khuôn mặt mình

63

xám hỏi

Tôi chưa hề sống 24 tiếng đồng hồ với một
đàn

chỉ một đêm

nửa đêm

khoảng khắc trời mưa tại tiệm cà phê nhìn
chỉ
hè p

hay dài một cuốn phim

xem lại buổi trưa nắng gắt

một đàn bà

những đàn bà

của một lần gặp gỡ

của cả một đời

Tôi không nhớ hết tên họ dù không hề qu
một ngu

đôi ba lần nghe ai nói muốn có con với tôi

Những đứa con

chắc có trai có gái

có đứa sống đứa bỏ đi

đề không một đứa bên mình

người về già hay thương máu mủ

Tôi gặp con tôi một trưa về thăm đầu đường số
những nàng Sáu Nhỏ

Những nàng tôi gọi là nữ chiến sĩ ân tình

Tất nhiên má của con tôi cũng là nữ chiến sĩ

Và dĩ nhiên không thể rõ ai là cha

Mã nó bảo con ra đời thiếu thốn

cho đúng ngày anh bố mạch lò đi biển trở về

Đến đây tôi muốn mở một cái ngoặc đơn
nói về những đôi vợ chồng rất là thương yêu
rất là hòa thuận
nhưng đồng lương chồng không đủ sở hụi gia đình
nên anh đi mần
em cũng phải đi làm
Tôi nói rất là thương yêu nhau mới chịu được một
chuyện như rứa ở đời

(Lạy Chúa đã đề anh mạch lò tin là con ra đời
thiếu thốn

vì dù rất là thương yêu

gã thủy thủ không thể kham được việc người gái

chơi lại có con với một kẻ khác ngoài anh

nên thay cho sự hòa thuận

phải là án mạng

vì dù là ghé bất cứ bến bờ nào

anh cũng chỉ có một quê hương

và nếu là nghề nghiệp bắt buộc

không yêu thì có con sao được)

Nghe kể vậy tôi lặng thinh nhìn

đứa nhỏ cười

(tôi vốn hay cười với bất cứ trẻ thơ nào)

muốn thấy một chút gì tôi ở nó

Chuyện không đầu ấy làm tôi thức đêm nay

dù không phải đây là lần đầu

(mỗi lần tôi mượn tiền bạn bè là mấy thằng chó

chết chưa hề có con cười hô hố bảo là tôi lại sắp

phịa chuyện đến nhà thương thăm con mới đẻ)

Không phải nghĩ tôi cảm thấy rõ ràng sự thật

sự thật còn thực hơn hai với hai là bốn
sáng đẹp hơn mọi thứ chủ nghĩa tôi đã đi tìm
người ta sắp giới thiệu
một sự thực đơn giản không rõ có biết như
cũng
riêng tôi không hay quá nửa đời người tiên
hà

Nhớ lại mỗi tình lớn
(yêu người ấy từ thuở mười lăm
yêu người ấy qua gia đình đồ võ)
tôi nghĩ đến mấy trăm người ta nhờ bác sĩ xóa
kỹ
và tác phẩm văn chương toàn quốc từng đem
quang cho đời cần
nếu đặt bên miệng cười con tôi
chắc không hơn chồng giấy lộn.

Lần đầu tiên tôi cầu nguyện thành khẩn ở đời
Con tôi vì là con gái nên không thể giống tôi
nhưng chính vì là con gái nên xin đừng bao
còn là m

24-5-1965

Anh già biệt em và phi trường và trời xanh và
mây mù và quê hương mình khuôn mặt rõ rành
nhỏ bom đạn Anh nhìn xuống từ trời cao mũi
súng nào ngược lên từ chiến khu lẫn khuất. Bữa ăn
•Hầm Rượu, ấy mùa thu cũ châu bản nào xa xưa.
Có phải châu Lương-Sơn? Cách mạng màu đỏ
máu cô bé nhìn cha ngơ ngác vết chém khôn rời.
Thầy anh qua đời bằng đạn tiểu liên ngọt sớt bàn
tay lạnh nầy cô người lính Bắc-Phi đen. Sơn-Tây kể
cận Hòa Bình sát bên Hà-Đông như buồn đau em
gần gũi tử nhục anh niềm đau khổ chung đất nước.
Tám mươi năm đã qua. Và còn bao nhiêu năm nữa?

Bữa ấy trời xanh cao. Anh hẹn em nơi phòng
triển lãm. Và anh rủ em đi mua búp. bé khi đưa bạn
nói có bày bán ở lễ đường. Anh không mua được
— dù là một thứ búp. bé bày bán ở lễ đường — vì
con đẹp nhất không còn nữa. Bao giờ anh cũng
chỉ là người đến chậm. Rồi hai đứa đi ăn và má
em ửng đỏ vì rượu chát như màu cánh hồng trên
tay. Ra về anh ngừng lại bên quán hoa muốn mua
tặng em một bông hồng khi ngoảnh lại đã thấy em
đi mất. Anh bước theo và không bao giờ bắt kịp. Rồi
trời mưa. Không hiểu vì sao trời hay mưa vào rất
nhiều ngày trong đời anh? Và từ đấy là giận hờn
xa lánh. Tại sao? Tại sao anh không được coi em
như một người em gái? Các em gái anh ở ngoài miền
Bắc và ngoài ấy mưa bom như giờ đây tại sao anh
không được phép coi em như một người em gái?

Giáng sinh năm nay không có lễ nửa đêm
và anh vẫn một mình đến trước cửa Vương Cung
Thánh Đường vào mười hai giờ đúng. Có tiếng
súng nào từ đâu vọng đến không em? 27.12.66

ngộ nhận

VŨ-KHẮC-ER

Kịch xảy ra ở trên trời, đôi giữa trời và đất, nghĩa là giữa đĩnh và hạ giới. Không có thời (nhưng ở hạ giới là mừng bầy thây âm lịch).

Đàn quạ xuất hiện. Vũ khúc bắt đầu và tiếp diễn cho đến khi già cảm thấy khó chịu. Trùm dừng lại.

TRÙM QUẠ

(Với đàn quạ)

Thôi, các con.

Cả đàn dừng lại, trừ một con con. Quạ con vẫn múa. Trùm nhìn quạ con lắc

Tao bảo thôi mà.

Quạ con dừng lại. Trùm quạ lên, hướng về khán

Tôi là quạ. Trùm quạ. Tôi biết các ngài có nhiều thiên kiến đối với chúng tôi, ngài cho rằng nơi nào chúng tôi xuất hiện là lạnh vắng bật, là tin dữ lập tức xảy ra. Như chiến sự, tin ô tô đâm nhau, tin vợ tước ết vào chồng rồi giữa đêm khuya đi tìm quết Nghĩa là những tin tức ít nhiều đều có liên lạc

sự chết chóc. Nói thẳng ra, các ngài cho rằng chúng tôi là một loài sống bất chấp vệ sinh, thực đơn thường nhật không thay đổi, ngày nào cũng chỉ có ghi một món độc nhất là... xác chết. Có đúng như vậy không? Tôi không cãi chính. Trái lại, tôi xác nhận đó là một sự thực. Hơn nữa, thay mặt cho tất cả đại gia đình loài quạ chúng tôi, tôi lại còn xin long trọng tuyên bố rằng chúng tôi rất hãnh diện về điều đó. Vâng, chúng tôi đã ăn xác chết và chỉ ăn xác chết. Và nếu các ngài chịu khó nghĩ lại một chút thì chắc các ngài sẽ nhận thấy ngay tất cả những nguyên nhân xa gần nó thúc đẩy chúng tôi phải chọn một thức ăn không lấy gì làm đẹp mắt đó. (Một lát.) Nói ra thì rắc rối quá. Tôi phải bắt đầu tự chỗ bắt đầu. Bắt đầu là chuyện Ngưu lang và Chức nữ...

Chú quạ con lúc này bỗng nhảy lên.

QUẠ CON

(hét to)

Biết rồi, khổ lắm...bố ơi!

TRÙM QUẠ

Biết cái con mẹ mày! Im mồm.

QUẠ CON

Thì hôm nay là mừng bầy tháng bầy mà...

TRÙM QUẠ

Mừng bầy tháng bầy Âm lịch. Biết rồi. Nhưng mà... ngộ nhận, ngộ nhận.

QUẠ CON

Ngộ nhận là cái gì hở bố?

TRÙM QUẠ
Ngộ nhận là hiểu lầm. Lầm to.

QUẠ CON
Sao lại lầm... ơ kia...

TRÙM QUẠ
Bởi vậy tao mới phải bắt đầu từ chỗ bắt đầu
Im mà nghe.

Hướng về khán trường

Vậy thì... bắt đầu là chuyện Ngưu lang và Chức nữ. Ngưu lang xuống hạ giới. Cu Trời bèn hạ lệnh cho tất cả muôn loài đều phải xuống theo. Nhưng hạ giới không như trên trời. Ở đây không ai ăn mà vẫn sống, sống mãi. Ở hạ giới phải ăn mới sống. Vấn đề mưu sinh vì vậy đặt ra. Và được giải quyết một cách rất là đơn giản. Đại khái như thế này: anh Ngưu thì đặc biệt được quyền ăn tất cả muôn loài. Muôn loài thì mạnh ai nấy lo, loài nọ ăn lẫn loài kia. Nhanh chân lẹ tay như anh cọp thì được ăn nhiều. Còn chậm chạp như anh rùa chẳng hạn thì ăn rau ăn cỏ. Còn rau với cỏ, không chắc không tay thì chỉ còn một nước là ăn... đất. Nhưng còn đất? Thưa các ngài, nói ra thì các ngài chẳng khen phò mã tối ả, chứ thật cu Trời cu Trời thực. Cu nghĩ ra ngay, Cu bèn chỉ ngay vào anh Ngưu mà bảo: cát bụi người lại trở về cát bụi. Vì phương diện kinh tế, thế có nghĩa là đất muốn sống thì đất phải ăn anh Ngưu.

Vậy thì người ăn thịt, thịt ăn cỏ, cỏ ăn đất và đất lại ăn người. Nhưng đó chỉ là những nét đại cương của kế hoạch.

Còn về chi tiết thực thi thì lại có những cuộc hội thảo tổ chức riêng biệt cho từng loài. Riêng loài có cánh chúng tôi, cuộc hội thảo đã diễn ra vô cùng hào hứng, thân mật... tuy không kém phần long trọng, vì chủ tọa đoàn gồm toàn những bậc trưởng lão thiên thần. Tôi còn nhớ mãi những lời vàng ngọc của lão tiên bối Chủ tịch kêu gọi tiết kiệm xương máu muôn loài. Giọng người sang sảng, mắt người sáng ngời, đôi cánh thiên thần của người dang rộng... (Đổi giọng.) Các con, các con không nên quên rằng chúng ta, kể cả ta và các vị trưởng lão đây, chúng ta đều là đồng bào, đều là do bàn tay, bộ óc sáng tạo của cu Trời mà ra. Ta biết rằng xuống hạ giới thì phải ăn mới sống. Nhưng ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn. Vậy nếu có phải ăn thì nên nghĩ đến công lao cu Trời, nên nghĩ đến tình máu mủ giữa chúng ta. Một ngọn cỏ, một con gà, một trái thơm, một con khuyển, đều là đồng bào chúng ta hết thảy. Ăn tức là cắt tiết đồng bào, lột da đồng bào, mổ bụng đồng bào, chặt nát đồng bào, nhai đồng bào, nuốt đồng bào, tiêu đồng bào và hóa đồng bào, hỡi ơi! Các con, các con, ăn ít chứ, ăn ít chứ.

*Trùm quạ trầm ngâm như cảm động.
rồi trở lại giọng thường.*

Rút cuộc, sau một lần hội thảo kéo dài không biết bao nhiêu lần sao Hôm nhường chỗ sao Mai, toàn thể loài có cánh đồng thanh quyết nghị như sau: điểm thứ nhất, chỉ những ai xuống hạ giới mới ăn. Ai ở lại trên trời, như tôi và lũ con tôi thì giữ nguyên tình trạng cũ, nghĩa là không ăn. Điểm thứ nhì, trừ anh Diêu Hâu tham lam đòi được tự do lựa chọn thức ăn, còn thì toàn thể đều xin ấn định món ăn căn bản là rau,

cỏ và một chút hạt ngô hoặc hạt thóc. Điểm thứ
riêng đối với anh Gà vì chức vụ đặc biệt báo
anh Sẻ vì lý do sức khỏe, thì ngoài món ăn cần
cả hai đều được hưởng thêm một khoản phụ cấp
biệt là 10% run và sáu, tính trên món ăn cần.
Điểm thứ tư và cũng là điểm cuối cùng là điểm
hệ với loài quạ chúng tôi. Chúng tôi được t
dương công trạng ngay giữa hội nghị vì đã bị
sinh đặc biệt, luôn luôn nhớ ơn cụ Trời, luôn
tỏ ra thâm nhuần tình lớn đồng bào. Chúng
toàn thể đại gia đình loài quạ, chúng tôi q
định không vì sự sống của mình mà xúc p
đến sự sống của muôn loài và nguyên
ăn những vật nào đã tự ý hoặc bắt buộc
sống. (Một lát.) Thưa các ngài, hằng hà sa số t
sau này, Thái tử Tất Đạt Đa mới giác ngộ đ
điểm lý thú ăn chay, mới khuyên chúng ta giới
Loài quạ chúng tôi ngay từ buổi đầu muôn
hiện diện nơi hạ giới đã ý thức được tầm
trọng của sự sống nói chung và đã biết tôn
sự sống của muôn loài nói riêng. Chúng tôi k
giết đồng bào để sống. Và chỉ sống trên cái
của đồng bào. Có thể thôi.

Im lặng kéo dài một lát. B

QUẠ CON

Còn nữa chứ bố!

TRÙM QUẠ

Ranh con, nói leo. Mà bảo còn gì?

QUẠ CON

Còn cái cầu, cái cầu Ô-thước. Ta bắc c
vừa.

TRÙM QUẠ

Bắc cầu... bắc cầu... Mà làm như suốt đời tao
chỉ biết có bắc cầu.

Hướng về khán trường.

Thật ra công việc chuyên môn của chúng tôi có
phải là bắc cầu đâu? Chẳng qua chỉ tại cái tính tò
mò... Các ngài chắc còn nhớ kỷ Hồng thủy đầu tiên,
nước dâng lên ngập mặt đất trọn 150 ngày. Đến khi
nước rút xuống, mặt đất bắt đầu se lại, các ngài có
nhớ vật nào trên chiếc thuyền của lão Nô-Ê, vật nào
đầu tiên đã bay ra liệng đi liệng lại, tò mò thăm viếng
khắp nơi? Vật nào? Chính chúng tôi. Quạ. Tò mò
mà lại! (Một lát.) Cũng vì cái tính tò mò, mách lẻo
mà cụ Trời cụ đã trao ngay cho chúng tôi cái nhiệm
vụ thông tin. Rồi từ thông tin đến thông cảm, từ
thông cảm đến liên lạc, rồi cuộc chúng tôi bắt buộc
phải kiêm nhiệm cả việc bắc cầu.

QUẠ CON

Thôi bố... khuya rồi. Liệu bắt tay vào việc...

TRÙM QUẠ

Việc gì? Tao đã bảo là ngộ nhận mà. Tao phải
nói rõ sự thật mới được.

QUẠ CON

Thì bố nói đi. Mất cả thì giờ.

TRÙM QUẠ

Tao lại không nói được. Để tao đi tìm anh
Cuội.

QUẠ CON

Anh Cuội... Anh Cuội hay nói dối ấy à?

TRÙM QUẠ

Thì đầu đuôi tại anh ấy cả. Chỉ anh ấy mới rõ được tất cả sự thực.

QUẠ CON

Cuội nói sự thực. Thế này thì còn trời đất nữa.

TRÙM QUẠ

Ấy khê chứ ! Đừng kêu Trời, cụ ấy ra bây giờ thì khốn.

QUẠ CON

Nhưng Cuội nói thì ai mà tin được ?

TRÙM QUẠ

Thì làm thế nào ? Tại anh ấy cả. Tao phải anh ấy lại đây, ba mặt một lời. Ô-thước, khổ quá Ngưu lang, khổ quá ! Lại còn Chức nữ nữa. Năm nào cũng vậy. Lần này thì phải giải quyết dứt khoát mới được. Đi, chúng mày.

Trùm quạ và đàn quạ vào. Quạ vừa định theo vào thì Cuội

CUỘI

Tôi là Cuội...

QUẠ CON

(nhớ ra)

Vua nói dối đấy !

Rồi chạy

CUỘI

Cuội hay nói dối ! Như vậy có lẽ không phải tự giới thiệu nữa.

Trùm quạ ra, nhìn quanh

TRÙM QUẠ

Thằng lỏi chạy đâu rồi... (Chợt nhìn thấy Cuội.)
À may quá, anh Cuội, Tôi đang tìm anh.

CUỘI

Anh Quạ. Có việc gì thế ?

TRÙM QUẠ

Này... Lại mừng bầy tháng bảy đấy.

CUỘI

Ờ...

TRÙM QUẠ

Làm thế nào bây giờ ? (Chỉ xuống khán trường.)
Họ đến đông quá. Từ này tôi cứ phải tán hươu tán vượn mãi, để họ quên đi. Nhưng nghe chừng họ sốt ruột lắm rồi...

CUỘI

(Nhìn xuống khán trường)

Sao năm nay lắm Ngưu lang thế kia...

TRÙM QUẠ

Năm nào mà chả vậy.

CUỘI

Chả có nhẽ lại bảo họ về... như mọi năm.
Mưa chưa ?

TRÙM QUẠ

Cái trò đó cũ quá rồi. Năm nào cũng làm mưa rồi lại ra thông cáo rằng vì lý do thời tiết, cầu Ô không bắc kịp... Không được. Không được. Họ không chịu đâu. Họ xuống đường mất !

CUỘI

Thế thì làm thế nào ?

TRÙM QUA

Hay là... ta cứ nói thật với cu Trời.

CUỘI

Ấy chết ! cụ ấy nổi sùng lên thì bỏ mẹ.

TRÙM QUA

Thế cứ nói dối mãi hay sao ? Anh thì quen rồi. Nhưng tôi...

CUỘI

Đề tôi nghĩ xem... có cách gì...

TRÙM QUA

Tôi nghĩ mãi rồi. Chỉ còn có cách nói rõ sự thật với cu Trời. Rồi nhờ cụ thu xếp cho. Chả có lẽ hèn vạ phép mầu trong tay mà một việc vặt như này mà không giải quyết xong hay sao ?

CUỘI

Anh cho là việc vặt à ?

TRÙM QUA

Việc vặt hay không việc vặt thì cũng tại anh cả. Anh phải thu xếp cho xong. Chứ cứ dờ mãi trò mưa Ngâu ra để loè thiên hạ, tôi nghe chứ không ổn đâu anh ạ. Ở mà... Cụ Trời kia kia, khéo mồm khéo miệng liệu mà nói. Tôi đi đây.

Trùm qua

CUỘI

Ấy chết !

Rồi nấp vào một chỗ. Trùm

(CÒN TIẾP)

ngoài lề

THÁI-TUẤN

DU-THANH-HẢO

TẠO MỘT KHÔNG KHÍ MỚI CHO VĂN HỌC

Trong dịp nhận Giải Thường Văn Chương Toàn Quốc lần thứ 4 — lần thứ nhất kể từ sau 1-11-1963 — bà Tuệ Mai có đọc một bài mà theo lời tường thuật của báo chí (1) đã làm cho nhà cầm quyền có mặt trong buổi ấy, không mấy hài lòng. Sự bất mãn của nhà cầm quyền cũng có lý khi nghĩ rằng mình đã dành nhiều cảm tình, vinh dự, chỉ vì lịch sự, xã giao cho cái đám người không đóng góp gì "thiết thực" cho cuộc chiến đấu sống còn hiện thời, để phải nhận lấy những lời trách móc cay đắng về sự thiếu trách nhiệm trong lãnh vực xa lạ với người làm chính trị; và nhất là nếu lại mang so sánh bài đọc của bà Tuệ Mai năm 1966 với bài đọc lĩnh giải của ông Nguyễn mạnh Côn năm 1957 tại Dinh Độc Lập trước ông Ngô đình Diệm thì bà Tuệ Mai quả đã lợi dụng tình thế cời mở xúc phạm đến nhà cầm quyền một cách "xác xược". Các nhà cầm quyền tại Việt Nam — kể cả hai miền Bắc, Nam — có thể kinh dị, lật đổ lẫn nhau nhưng cũng gặp nhau ít nhất ở một điểm là chính sách đối với bọn cầm bút mà họ chịu không nhìn thấy cái vai trò của chúng từ vai trò phục vụ cho nhà cầm quyền.

(1) Văn số 72 ngày 15-12-1966

Sự thật thì những ý kiến của bà Tuệ Mai cũng chẳng gì là quá đáng lắm và cũng chưa phản ảnh hết những ý nghĩ thâm kín của người cầm bút tại miền Nam. Sở dĩ bài dự của bà gây xúc động nhất thời cho nhà cầm quyền là vì là đầu tiên ở đây một người cầm bút có dịp công khai trực tiếp bày tỏ ý kiến cá nhân của mình không bị kiểm duyệt chút nào. Còn từ trước đến nay, người cầm bút xứ này thường chỉ đi cách biên lộ thái độ bằng im lặng làm nger hoặc ngơ trang trong bóng tối của tác phẩm.

Điều đáng ghi nhận ở nhà cầm quyền hiện thời là sự tỏ thiện chí bằng sự thành lập ngay sau đó một Bộ Văn Hóa (không hiểu có đúng không) để trông nom sinh hoạt văn hóa ngành này mà hiện tình hiện nhiên không mấy sáng sủa. Bộ Văn Hóa đã công bố chương trình hoạt động cấp thời cấp bách như lâu dài, và được ngay sự hợp tác của một số người đưa sáng kiến thành lập một liên lạc Văn hóa cho người cầm bút. Sáng kiến này không phải là không tốt. Nhưng nếu nhà cầm quyền thực tâm lo lắng về tiền đồ văn hóa xứ sở như những người cầm bút chính trị sẽ nhận đó chưa phải là yêu cầu đích thực cấp bách để tạo một bầu không khí mới mẻ, trong sạch cho sinh hoạt văn hóa nghệ thuật ở đây. Yêu cầu chung, thiết thân nhất đối với người cầm bút là yêu cầu nào? Thật hết sức giản dị: được tự do phát biểu, nói gọn là tác phẩm không bị kiểm duyệt.

Gần đây Thiểu tướng Kỳ đã tuyên bố bỏ kiểm duyệt báo chí trừ những tin tức liên quan đến Quốc Phòng và Kinh tế. Nếu đã bỏ được phần nào kiểm duyệt cho báo chí thì có thể bỏ kiểm duyệt các tác phẩm văn học. Vì so với báo chí, tác phẩm văn học phổ biến giới hạn, ảnh hưởng hẹp, động về chính trị trong quần chúng không đáng kể và do đó chắc nó không liên quan gì đến các vấn đề Quốc phòng và Kinh tế cả. Nhưng trái lại nó có tác động vào một phần phân nhất định nào đó và gây ảnh hưởng ngầm bền bỉ về tư tưởng. Cho nên bỏ kiểm duyệt văn học là đường lối chính trị suốt biết lo lắng cho tương lai.

Người nào có quan tâm đến tình hình văn học nghệ thuật tại miền Nam kể từ 1954 đến nay đều nhận thấy nghèo nàn đình trệ đáng buồn. Để cải thiện, yêu cầu cấp bách ưu tiên, là việc bãi bỏ kiểm duyệt các tác phẩm.

Có hai lý do thường được viện dẫn để duy trì chế độ kiểm duyệt; sự lợi dụng tự do để tuyên truyền cho Cộng sản và xâm phạm đến thuần phong mỹ tục. Trong hai lý do cả hai điều này nhà cầm quyền đều đã ngăn ngừa

những luật lệ minh bạch. Không hề có một pháp luật nào mà lại không áp dụng và phải dùng biện pháp để ngăn ngừa khi biện pháp lại gây tai hại lớn cho sinh hoạt văn học.

Cá thể kỷ này các chế độ chính trị kế tiếp thành lập tại VN đều cũng nại những lý do ấy để duy trì chế độ kiểm duyệt bóp nghẹt sự tiến triển của văn học (đặc biệt ở chế độ Cộng Sản thì lý do thứ nhất còn kèm theo nhiều bùng bùng hơn như Tư sản, xét lại, phong kiến, phản động, trốt kýt v.v... và biện pháp kiểm duyệt tinh vi chặt chẽ hơn như: giao cho Hội các nhà văn do Đảng nắm giữ quyết định ấn hành tác phẩm, nhà nước kiểm soát các phương tiện ấn hành, kiểm thảo phê bình, tự phê, tây náo v.v...) Dân chủ là chế độ mà quyền hành và trách nhiệm được chia xẻ cho mọi người khác với độc tài, ngay trong ý hướng tốt của nó, là chế độ mà một thiểu số tự cho mình là chịu trách nhiệm với hết thảy mọi người, ở hiện tại cũng như tương lai, nên phải tập trung nắm giữ quyền hành.

Chọn lựa dân chủ cũng còn là chọn lựa một cuộc mạo hiểm, tất nhiên với nhiều bất trắc, trong tình thần lạc quan tin tưởng và ngược lại, trái với chọn lựa độc tài là chọn lựa sự bình yên gia tạo trong tinh thần bị quan hoài nghi hết thảy mọi người.

Nhiều người thường kêu rêu bọn cầm bút ở đây vô trách nhiệm không đóng góp gì cho xã hội. Chả lý sơ đẳng là phải có tự do thì mới có trách nhiệm. Từ khi nào ai chịu san xẻ trách nhiệm với người cầm bút đâu. Lúc nào người ta cũng phải nghĩ những người kiểm duyệt là những người chống Cộng và đạo đức nhất nước và đảm cầm bút là một bọn điên thiếu suy xét phải can thiệp.

Một phần nào những sự tổn thương bí hiểm, những giọng sống sượng vô luân trong các tác phẩm là do nơi chế độ kiểm duyệt tạo sinh, người cầm bút không được nói thật ý nghĩ của mình đã phải tìm cách bóng gió, giấu diếm hoặc phản ứng bằng tinh thần vô trách nhiệm nếu không muốn im lặng. Chắc chắn có rất nhiều tác phẩm viết xong xếp so và hơn thế nữa bị thủ tiêu ngay từ trong trí nếu không muốn khi thế hiện sẽ sai lạc bị hiểu lầm.

Trong hoàn cảnh đặc biệt hiện nay của cuộc chiến tranh tại miền Nam yêu cầu tạo một bầu không khí mới cho sinh hoạt văn học phát triển như một nỗ lực nhìn tới tương lai lại càng cần thiết. Bước đầu để tạo bầu không khí ấy là sự tự do sáng tác của người cầm bút. Yêu cầu thật sự của người

cầm bút chính trực không phải là xin được trợ giúp để sống (hãy bỏ mặc cho họ chết đói cũng chẳng sao) cũng không phải là một đường lối chính sách đối đãi vị nể (họ vô dụng trong chính trị), chỉ là một yêu cầu tối thiểu và thu hẹp : tác phẩm của họ không phải đưa qua kiểm duyệt và họ sẵn lòng nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước công luận và những điều viết trên giấy trắng mực đen.

CHIẾN TRANH V.N. và NHÀ VĂN

Hai cuộc đại chiến thế giới, xen giữa cuộc nội chiến Tây Ban Nha, đã cung cấp cho các nhà văn Âu Tây một đề tài phong phú với những cảm hứng chân thành tạo nên một nền văn học có tư tưởng nhân bản. Một số nhà văn từng ngày nay trước đây đã đi đến với chiến tranh và vào cuộc phiêu lưu bi thảm và vinh dự của đời người để hiểu bộ mặt thực của "cõi người ta". Đã lâu lắm rồi chiến tranh không còn ở Âu Tây nữa, các nhà văn lớn đã chiến sống trong những xã hội thái bình kia chỉ còn những cuộc phiêu lưu nhằm chán trong cái thế giới dư thừa nhàm chán đã vật bằng cách giương mắt nhìn mà thôi.

Thế rồi cuộc chiến tranh đẫm máu từ hơn hai mươi năm nay tại VN bỗng bùng nổ dữ dội, trở thành đề tài của cả thế giới. Riêng trong lãnh vực văn học, nó cũng đang hình thành cho một nền văn học về chiến tranh mới tại Âu Tây. Mở đầu chỉ là những phóng sự, ký sự của các phóng viên viết về VN, những bài hát của anh lính đồng minh hay của chàng nhạc sĩ bản xứ được mang về loan truyền, dần dà VN trở thành đất thu hút chính các nhà văn. Thật ra nhà văn Âu Tây đầu tiên đã đánh hơi thấy món thực phẩm có hương cay đắng nhưng hấp dẫn là chiến tranh VN, đã tạo nên sự nghiệp của mình bằng cách khai thác đề tài này là Jean Hougron, nhà văn Pháp với bộ La nuit indochinoise từ trước 1954. Sau 1954 là Graham Greene nhà văn thích tìm đề tài ở thuộc địa với *The Quiet American*. Rồi V.N. bị bỏ quên trong mấy năm hưu chiến. Đến nay tình hình gay go và những đột biến bất ngờ và nếu chiến tranh còn dài thì VN sẽ cung hiến cho văn học thế giới rất nhiều cảm hứng.

Mở đầu đã nhiều hứa hẹn với cuộc đối thoại hào hùng giữa văn hào Mỹ lừng danh thế giới Steinbeck và Evgeny Zhenko, thi sĩ Nga số đã từng được mời sang Âu Châu và Mỹ quốc để đọc thơ. Rồi Steinbeck đến VN để tham sát trận chiến. Nay lại đến nữ văn sĩ Mac Carthy. Còn chẵn rồi còn nữa, nhiều nữa nhưng nhà văn đến VN để tưởng tượng hay thăm lặn tìm tòi tài liệu xây dựng tác phẩm

cho nhân loại mai sau. Và chắc chắn sẽ có những nhà văn Âu Tây từ trong bóng tối xuất hiện với vòng hào quang V.N. trên đầu như Malraux trước đây với Trung Hoa hoặc như chàng Lawrence xứ Arabie. Còn nhớ năm xưa, khi Tướng Ba Cụt bị tử hình, tạp chí Paris Match đã than thở rằng : "Nhân vật cuối cùng của Malraux đã chết". Âu Tây đã tưởng mình không còn hy vọng nhìn thấy cái truyền thống hào hùng Malraux xuất hiện nữa. Nhưng bây giờ thì chiến tranh V.N. là cơ hội tốt để khôi phục truyền thống văn học ấy : con người Âu Tây, con người toàn cầu (l'homme planétaire) sẽ soi khuôn mặt mình, khuôn mặt nhân loại đây, trong định mệnh của kẻ khác (kẻ khác không phải là địa ngục, kẻ khác chính là khuôn cửa hẹp dẫn tới những ngày mai đang ca hát).

Và nhà văn Âu Tây dù đứng phía nào lại có dịp giới thiệu cho người của Âu Tây tưởng đã tắt sau kỷ đệ nhị thế chiến.

NHÌN LẠI MỘT VÀI PHÒNG TRANH TRONG NĂM QUA

Về mặt sinh hoạt, ngành hội họa vẫn tiếp nập với những cuộc bày tranh ở phòng Triển lãm Đô Thành, trụ sở Pháp văn Đông Minh Hội, trụ sở hội Việt Mỹ và cũng nên kể cả một vài nơi bán tranh thường trực.

Số lượng so với những năm trước, càng ngày càng nhiều hơn, song đã không đem lại được một sự lạc quan nào cho việc phát huy nghệ thuật ở đây. Phần lớn các bức tranh được vẽ vội vàng, cầu thả thiên về lối sao chép phong cảnh, tĩnh vật. Số còn lại hướng về sáng tác nghệ thuật tuy nhiên còn ở tình trạng dò đường chuyển hướng.

Sự chuyển hướng này có thể coi như là một hiện tượng nổi bật ở địa hạt hội họa trong năm vừa qua.

Từ lối vẽ có hình một số họa sĩ bước sang lãnh vực trừu tượng không hình. Trong số đó có thể kể đến Nguyễn Phước, Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Trung, Nguyễn Khai.

Trước hết là trường hợp Nguyễn Phước. Họa sĩ đã trưng bày tại Pháp văn Đông Minh Hội một số tranh khuôn khổ lớn hầu hết là lối vẽ trừu tượng không hình.

Lối vẽ trước kia của họa sĩ có những màu sắc tươi vui, những đường nét mạnh và một lối bố cục phong phú và độc đáo. Cách bố cục đó cho người ta nhận thấy anh đã nhìn sự vật một cách khách quan. Tất cả chỉ là một cái cố cho anh sáng tác. Đề tài chẳng hề là đối tượng sáng tác. Nguồn cảm

hứng chính không do từ sự vật hiện hữu, đó là sự rung
thuần túy khởi từ một ý thức màu sắc và đường nét. Nó
khả năng đó rất phù hợp cho hình thức trừu tượng không hình.

Song khi chuyển sang đường lối này, màu sắc của
đã trở nên âm đạm nghèo nàn bởi sự thiếu ánh sáng, do
nét mạnh mẽ trở thành khô cứng nguồn cảm đã trở nên
bình tĩnh về kỹ thuật vì vậy bố cục ảnh hưởng theo
đi nhiều phóng túng.

Chất thể sơn vẽ về đẹp quá đều đặn óng chuốt
giúp gì cho đường nét, hình khối nên chỉ còn mang một
đơn độc tách rời.

Một vẻ đẹp hết sức trang trí bao phủ lên tranh.
Nhưng điều quan trọng hơn cả hình thức thể hiện đó là
lập con người anh và tạo ra những công trình thiếu bìa
(cái bản sắc mà anh đã có). bộ mặt mới mà những công
đó tạo ra là một khuôn mặt xa lạ, lạnh lùng. Không phải
khuôn mặt quen thuộc của anh. Đó là một chiếc mặt nạ
hơn và giả nua.

Đứng trước những bức họa ấy, tôi nghĩ rằng :
sự chuyển hướng sang lối vẽ trừu tượng không hình
chưa khai thác và chưa phối hợp được những khả năng
màu sắc và hình khối đặc biệt của anh, và chỉ riêng cho

Phòng tranh của Nguyễn Quỳnh đã gây cho tôi một
nhiên, bởi sự chuyển hướng vội vã và đột ngột; tuy trong
lối vẽ siêu thực và trừu tượng còn xen nhau lẫn lộn
vẽ siêu thực của anh có thể chỉ siêu thực ở cách trình bày
cục bức tranh cùng đề tài. Tinh thần siêu thực đúng với
của nó, tôi chỉ nhìn thấy có một lần ở bức tranh người
nữ (nhân đề là theo hay chống) của anh ở phòng triển lãm
xuân năm 1964.

Tinh thần siêu thực của bức họa đó; khởi từ một
tại; khuôn mặt người thiếu nữ sáng chói, nổi hẳn lên giữa
phòng lạnh lẽo âm u, dáng vóc đó hiện lên rõ ràng thực đó
gần trở thành phi lý người ta tưởng chừng đó là một ảo
và chính bởi vậy đã tạo được một tinh thần một
khí siêu thực trong bức họa. Điều đó tôi biết rõ ngay
muốn của anh sau khi đọc hàng chữ Pháp Pour ou contre
mà viết vào bức họa.

Khi nhìn những bức tranh của anh trong phòng triển
hối cuối năm vừa qua ; mặc dầu trình bày theo
vẽ siêu thực song thiếu hẳn bản chất siêu thực. H
thể và đường nét mờ ảo, bởi sự nhận chìm trong màu sắc
tối dày đặc đã làm cho khí không các bức tranh trở nên

nề, ngọt ngào dễ cứu vãn bầu không khí đó; đôi ba mảng màu
chất chứa, sắc sảo được tô thêm song lại chỉ tăng lên vẻ thô
tham và buồn nản cho khí không của bức tranh.

Cho dù chúng ta có minh họa lại một giấc mộng đã qua,
điều đó không đủ hoặc chưa đủ để tạo ra một họa phẩm có
tinh thần siêu thực.

Đến một giấc mộng cũng là những gì do thực tại mà có
mà biến đổi. Chưa quan sát kỹ càng và chưa hòa mình trong
cảm thông với sự vật, chúng ta chỉ nắm được cái bóng dáng
của nó và như vậy cái bản chất siêu thực mà ta muốn đạt
tới chỉ là những cái gì ở ngoài sự thực nó sẽ trở nên phi
thực hơn là siêu thực. Khởi từ những nhận xét đó, thấy
tranh anh dù ở hình thức siêu thực hay trừu tượng cũng đã
bị cố tình khuôn nắn gượng ép vào một hình thức kỹ thuật
đặt sẵn không phù hợp cho anh.

Chính điều đó là sự cản trở lớn cho nguồn cảm hứng siêu
thực hồn nhiên và sự phát triển của tài năng anh đã sẵn có.

Trường hợp Nguyễn Trung, một họa sĩ được nhiều người
biết đến từ cuộc triển lãm mùa Xuân lần thứ nhì.

Hồi đó tranh anh thiên về màu lơ đen từ sẫm cho đến
nhạt với những hình thể đường nét hết sức cô động và duyên
dáng. Tinh chất siêu thực đã nhận thấy rõ ràng ngay từ hồi
ấy. Đó là một vẽ siêu thực nhiều màu sắc trí thức hơn là
mơ mộng. Tàn tiện màu sắc, tàn tiện đường nét, sự khắc khổ
nghệ thuật ấy lại còn hiện rõ ràng bởi sự anh chưa chú ý tới
thể chất của sơn hoặc là chưa sử dụng đầy đủ. Có lẽ cũng ý
thức được điều đó về sau anh rất chú trọng tới vẻ đẹp của chất
thể sơn và cũng đã đạt được ở một số họa phẩm vào thời kỳ
1964. Và tôi nhận thấy đó cũng là thời kỳ thành công nhất
của anh.

Nay trong chuyển sang hình thức trừu tượng không hình,
họa phẩm của anh đã có thêm chút ít màu sắc. Một thứ màu
sắc kín đáo song được vẽ đè đặt như một lần sơn mỏng nhẹ
của một cô gái vừa nhón lên. Tôi nghĩ màu sắc không hẳn
cần thiết cho lối vẽ hiện nay của anh.

Từ những đường nét duyên dáng, chính, sắc và tế nhị
hình thể trong tranh anh chuyển sang hình khối mạnh gần như
thô bạo; nét bút anh đã trở thành nhất búa giáng mạnh song
vẫn chừng mực có thể đó là những nhất búa khai phá cho con
đường mới. Song tôi vẫn nghĩ con đường một khi tìm thấy,
búa rìu sẽ không cần thiết và sẽ xếp lại. Bởi nó chỉ cần và phù
hợp cho một vẻ đẹp mọc bản mạn đại.

Cái vẻ đẹp nơi nghệ thuật của anh thường biểu lộ dưới

một hình thức trang trọng, tế nhị. Bản chất phóng túng anh cũng mang một dáng vóc lịch sự điều độ.

Nhìn những bức tranh trưng bày mới nhất của anh tôi thấy nhiều cố gắng quay về vẻ đẹp hòa nhiên, Mặc dầu hình khối cứng đặc có làm toát ra một bầu không khí khò trong tranh, và dập tắt mọi rung cảm của người thưởng thì cũng chỉ vì nó đã cho ta thấy quá nhiều dấu của một vùng dậy vô thức. Chất thể sơn ở các họa của anh được rất dồi dào song tiếc rằng đã tách li quan với đường nét.

Những phiến đá cẩm thạch chất vốn mong manh lại chịu nổi những nhát búa thô bạo đó không phải là một tấn; nhưng là một sự thực.

Nhìn chung, họa phẩm Nguyễn Trung về phương nghệ thuật tôi nhận thấy ở đó đang xây một đường cơ giữa màu sắc và đường nét giữa thực tại và ý niệm. Nhưng niềm không còn gói ghém bằng da thịt thiên thần song di thai vào những phiến đá nham nhở và lạnh lùng

Nguyễn Khai là một trường hợp đặc biệt. Anh có lối vẽ nhiều tính chất lãng mạn hơn là chất thơ. Anh phải là người làm thơ bằng họa. Đó là một chàng du ca lên những lời thơ kể chuyện thần thoại. Anh có giọng rất tốt và biết chọn những câu chuyện đẹp.

Với những màu sắc huy hoàng một thể sơn trong ánh sáng, tranh anh mang một bản sắc độc đáo, một quý phái của những tấm thảm Ba Tư hòa lẫn vẻ đẹp của men sứ thời Khang-Hy.

Khách thường ngoạn bị lôi cuốn bởi màu sắc, ánh thoát ra ngoài cuộc đời bình thường để đi vào thế giới câu chuyện thần thoại.

Anh đã thành công trên đường lối đó với một số họa phẩm. Thế giới nghệ thuật của anh được tạo bằng vì thuần khiết; ưu tư ở đây chỉ là một chút ưu tư lãng mạn nghĩ về những cái tên anh đặt cho họa phẩm là những phụng phí danh từ, tranh anh đã nói nhiều và đủ.

Nguyễn Khai có thể coi như một người đã tiếp ảnh hưởng của những màu sắc đen tối nặng nề. Nhờ đó được vẽ bị thấm nhuộm màu trí thức.

Thực vậy, ngày nay cái mặt nạ bị thấm héo hơn nên cái mặt người ta đeo vào để làm một thứ trang nghiêm nghệ thuật. Tôi nghĩ khuôn mặt thật vẫn hơn.

Chúng tôi thành thật cảm tạ các bạn đồng nghiệp : Văn, Bách Khoa, Tin Văn, Tiền Tuyến, Chính Luận Sống, Tia Sáng, Tiếng Vang, Saigon Báo và tất cả các thân hữu xa gần đã nồng nhiệt giới thiệu nguyệt san Văn đề cùng độc giả.

Chúng tôi thành thật cáo lỗi cùng toàn thể bạn đọc, vì nhiều lý do, nên Văn đề Số 1 đã tới tay bạn không đúng kỳ hẹn.

VĂN ĐỀ

sẽ phát hành đầu tháng 5-67

QUỐC VĂN TOÀN THƯ

LỚP ĐỆ THẤT

của Nguyễn-sĩ-Tế Vũ-khắc-Khoan và Tô-Đáng

TRƯỜNG-SỐ'N XUẤT BẢN

129-131 Lê-văn-Duyệt Saigon

Trường Trung-Học

TRƯỜNG - SƠN

129-131 Lê-Văn-Duyệt — SAIGON

Hiệu trưởng NGUYỄN-SỸ-TẾ

Giám học TÔ ĐÁNG

SAIGON KỸ NGHỆ MỀN LEN

SAKYMEN S.A.R.L.

100 ĐƯỜNG NGUYỄN-VĂN-THỊNH SAIGON Đ.T. 90.601
NHÀ MÁY : ĐƯỜNG NGUYỄN-VĂN-HỌC GIA-ĐÌNH Đ.T. 21.228

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI MỀN :

Mền sợi nhân tạo, mền len hóa hợp, mền bông
vụn, mền hoa, mền 2 da, mền trẻ em, mền xám.

TA DÙNG MỀN DỆT CỦA TA
MÀU TƯƠI KIỂU ĐẸP MỀN NHÀ ẨM HƠN.

TRƯỜNG TRUNG-HỌC **HUNG - ĐẠO**

115-125 Cống-Quỳnh SAIGON Đ.T. 24.797

các lớp từ đệ thất đến đệ nhất
các ban A.B.C.

Bài sẽ đăng

NGUYỄN SỸ TẾ

ý thức và tự do trong văn học

VŨ KHẮC KHOAN

ngộ nhận (tiếp theo)

PHAN LẠC PHÚC

đọc căn nhà vùng nước mền của
Mai Thảo

THANH TÂM TUYỀN

thư gửi người bạn Anarchiste

MAI THẢO

cửa sau

VIÊN LINH

thơ